Ký bởi: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: Văn phòng Chính phủ
Thời gian ký: 11.03.2019 16:42:10 +07:00

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2018 hướng dẫn kế toán Bảo hiểm xã hội

(Tiếp theo Công báo số 199 + 200)

Phụ lục số 02

HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính)

II. PHƯƠNG PHÁP HẠCH TOÁN KẾ TOÁN MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CHỦ YẾU

10. Tài khoản 346- Kinh phí cấp cho cấp dưới: Tài khoản này chỉ mở ở các đơn vị cấp trên để theo dõi tình hình kinh phí đã cấp cho các đơn vị cấp dưới có tổ chức kế toán riêng bằng tiền hoặc hiện vật. Các đơn vị cấp dưới khi nhận được kinh phí của đơn vị cấp trên cấp xuống không phản ánh ở tài khoản này mà phản ánh vào các tài khoản liên quan theo nội dung từng khoản kinh phí đơn vị cấp trên cấp.

Tài khoản 346- Kinh phí cấp cho cấp dưới có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 3461- Kinh phí BHXH Việt Nam cấp cho BHXH tỉnh: Tài khoản này chỉ mở ở BHXH Việt Nam để theo dõi tình hình cấp cho BHXH tỉnh về kinh phí hoạt động, kinh phí đầu tư XDCB và kinh phí khác.

Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 3:

+ *TK 34611- Kinh phí hoạt động:* Phản ánh tình hình cấp và thanh toán kinh phí chi hoạt động từ BHXH Việt Nam cho BHXH tỉnh.

+ *TK 34612- Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản*: Phản ánh tình hình cấp và thanh toán kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản từ BHXH Việt Nam cho BHXH tỉnh.

+ *TK 34618- Kinh phí khác*: Phản ánh tình hình cấp và thanh toán kinh phí khác từ BHXH Việt Nam cho BHXH tỉnh (ngoài 2 loại kinh phí trên).

- TK 3462- Kinh phí BHXH tỉnh cấp cho BHXH huyện*:* Tài khoản này chỉ mở ở BHXH tỉnh để theo dõi tình hình kinh phí đã cấp cho BHXH huyện về kinh phí hoạt động, kinh phí đầu tư và kinh phí khác.

Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 3:

+ *TK 34621- Kinh phí hoạt động:* Phản ánh tình hình cấp và thanh toán kinh phí chi hoạt động từ BHXH tỉnh cho BHXH huyện.

+ *TK 34622- Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản:* Phản ánh tình hình cấp và thanh toán kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản từ BHXH tỉnh cho BHXH huyện.

+ *TK 34628- Kinh phí khác:* Phản ánh tình hình cấp và thanh toán kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản từ BHXH tỉnh cho BHXH huyện.

** Nguyên tắc hạch toán Tài khoản 346- Kinh phí cấp cho cấp dưới*

- Đơn vị phải mở sổ kế toán để hạch toán chi tiết theo từng đơn vị cấp dưới có nhận kinh phí theo từng nguồn kinh phí đã cấp.

- Tài khoản này có thể mở chi tiết theo từng loại kinh phí đã cấp như: Kinh phí hoạt động; Kinh phí XDCB; Kinh phí khác...;

- Không hạch toán vào tài khoản 346 các quan hệ thanh toán giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới không thuộc nội dung cấp phát kinh phí.

** Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 346- Kinh phí cấp cho cấp dưới*

Bên Nợ: Số kinh phí đã cấp, đã chuyển cho cấp dưới.

Bên Có:

- Xác định số kinh phí cấp cho cấp dưới;

- Thu hồi số kinh phí thừa không sử dụng hết do các đơn vị cấp dưới nộp lên;

- Kết chuyển số kinh phí đã chi trong kỳ ở các đơn vị cấp dưới khi quyết toán được duyệt.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

** Phương pháp hạch toán kế toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu*

(1) Khi đơn vị cấp trên cấp kinh phí cho đơn vị cấp dưới, ghi:

Nợ TK 346- Kinh phí cấp cho cấp dưới (TK chi tiết tương ứng)

Có các TK 112- Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc.

(2) Trường hợp đơn vị cấp trên cấp kinh phí cho đơn vị cấp dưới bằng các loại nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, tài sản cố định, ghi:

Nợ TK 346- Kinh phí cấp cho cấp dưới (TK chi tiết tương ứng)

Có các TK 152, 153, 211.

(3) Khi nhận được tiền đơn vị cấp dưới nộp lên về số thu hồi kinh phí thừa, kế toán đơn vị cấp trên ghi:

Nợ TK 112- Tiền gửi ngân hàng, kho bạc

Có TK 346- Kinh phí cấp cho cấp dưới (TK chi tiết tương ứng).

(4) Cuối kỳ, căn cứ vào số chi phí đã cấp cho cấp dưới được cấp trên phê duyệt, ghi:

Nợ các TK 241, 611

Có TK 346- Kinh phí cấp cho cấp dưới (TK chi tiết tương ứng).

(5) Trích chi phí quản lý BHXH từ chênh lệch thu, chi đầu tư tài chính, ghi:

Nợ TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế

Có TK 346- Kinh phí cấp cho cấp dưới

(6) Trích chi phí quản lý quỹ BHYT theo quy định trên số thu BHYT, ghi:

Nợ TK 675- Chi từ Quỹ Bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng)

Có TK 346- Kinh phí cấp cho cấp dưới.

11. Tài khoản 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện: Tài khoản này sử dụng BHXH tỉnh, BHXH quận, huyện để phản ánh số thu các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng các loại bảo hiểm trên địa bàn tỉnh, huyện.

Tài khoản 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 3751- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh: Tài khoản này sử dụng ở BHXH tỉnh để phản ánh số thu các loại bảo hiểm (bao gồm: Thu BHXH bắt buộc, Thu BHXH tự nguyện, thu BHYT, thu BHTN, thu lãi chậm đóng bảo hiểm) trên địa bàn tỉnh.

Tài khoản này có 5 TK cấp 3:

+ *TK 37511- Thu BHXH bắt buộc*: Tài khoản này sử dụng tại BHXH tỉnh để phản ánh số thu BHXH bắt buộc (gồm: thu quỹ ốm đau, thai sản; quỹ TNLĐ, BNN; quỹ hưu trí, tử tuất) trên địa bàn tỉnh.

+ *TK 37512- Thu BHXH tự nguyện*: Tài khoản này sử dụng tại BHXH tỉnh để phản ánh số thu BHXH tự nguyện trên địa bàn tỉnh.

+ *TK 37513- Thu BHYT*: Tài khoản này sử dụng tại BHXH tỉnh để phản ánh số thu BHYT trên địa bàn tỉnh.

+ *TK 37514- Thu BHTN:* Tài khoản này sử dụng tại BHXH tỉnh để phản ánh số thu BHTN trên địa bàn tỉnh.

+ *TK 37515- Thu lãi chậm đóng bảo hiểm*: Tài khoản này sử dụng tại BHXH tỉnh để phản ánh số thu lãi chậm đóng bảo hiểm trên địa bàn tỉnh.

- TK 3752- Thu các loại bảo hiểm của huyện: Tài khoản này sử dụng ở BHXH huyện để phản ánh số thu các loại bảo hiểm (bao gồm: Thu BHXH bắt buộc, Thu BHXH tự nguyện, thu BHYT, thu BHTN, thu lãi chậm đóng bảo hiểm) trên địa bàn huyện.

Tài khoản này có 5 tài khoản cấp 3

+ *TK 37521- Thu BHXH bắt buộc*: Tài khoản này sử dụng BHXH tỉnh để phản ánh số thu BHXH bắt buộc (gồm: thu quỹ ốm đau, thai sản; quỹ TNLĐ, BNN; quỹ hưu trí, tử tuất) trên địa bàn huyện.

+ *TK 37522- Thu BHXH tự nguyện*: Tài khoản này sử dụng tại BHXH huyện để phản ánh số thu BHXH tự nguyện trên địa bàn huyện.

+ *TK 37523- Thu BHYT*: Tài khoản này sử dụng tại BHXH huyện để phản ánh số thu các loại BHYT trên địa bàn huyện.

+ *TK 37524- Thu BHTN:* Tài khoản này sử dụng tại BHXH huyện để phản ánh số thu các loại BHTN trên địa bàn huyện.

+ *TK 37525- Thu lãi chậm đóng bảo hiểm*: Tài khoản này sử dụng tại BHXH huyện để phản ánh số thu lãi chậm đóng bảo hiểm trên địa bàn huyện.

** Nguyên tắc hạch toán Tài khoản 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện*

- Chỉ được phản ánh vào tài khoản này số thu các loại bảo hiểm (BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện, BHYT, BHTN) và lãi chậm đóng các loại bảo hiểm được kết chuyển theo quy định của chế độ tài chính từ số đã tạm thu các loại bảo hiểm của các đối tượng đóng bảo hiểm đã xác định phản ánh trên TK 335- Tạm thu các loại bảo hiểm, lãi chậm đóng.

- Trường hợp thu nhầm các loại bảo hiểm kế toán phản ánh số phải trả về thu nhầm BHXH bắt buộc phát hiện trong năm nay và các năm trước vào bên Có TK 339- Phải trả của các quỹ bảo hiểm, để ghi giảm số thu bảo hiểm phải nộp đơn vị cấp trên. Việc chi trả các khoản thu nhầm các loại bảo hiểm, cơ quan BHXH chỉ được thực hiện khi có chứng từ hợp lệ và có quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định của chế độ tài chính.

- Hàng quý, cơ quan BHXH cấp dưới lập báo cáo thu các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng bảo hiểm gửi cơ quan BHXH cấp trên về số đã thu bảo hiểm. Khi báo cáo quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế toán phản ánh số đã thu bảo hiểm phải nộp cấp trên.

- Căn cứ vào báo cáo quyết toán quý của đơn vị BHXH cấp dưới đã được duyệt gửi lên, đơn vị BHXH cấp trên phản ánh số thu các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng bảo hiểm phải thu của đơn vị BHXH cấp dưới.

** Kết cấu và nội dung Tài khoản 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện*

Bên Nợ: Số thực thu các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng bảo hiểm thực hiện trên địa bàn phải nộp lên cơ quan BHXH cấp trên (Đối với BHXH huyện, tỉnh).

Bên Có: Số thực thu các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng bảo hiểm đã thực hiện trên địa bàn tỉnh, huyện (Bao gồm số thu bằng tiền của các tổ chức, cơ quan, đơn vị và số ghi thu để thanh toán chi các chế độ BHXH cho người lao động tại đơn vị sử dụng lao động).

Cuối quý, sau khi kết chuyển tài khoản này không có số dư.

** Phương pháp hạch toán kế toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu:*

11.1. Tại BHXH huyện:

(1) Khi xác định được số thu các loại bảo hiểm từ số đã tạm thu các loại bảo hiểm của các đối tượng đã xác định phản ánh vào bên Có TK 335- Tạm thu các loại bảo hiểm, lãi chậm đóng theo quy định của chế độ tài chính, kế toán ghi giảm số tạm thu các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng bảo hiểm, ghi tăng số thu BHXH bắt buộc, ghi:

Nợ TK 335- Tạm thu các loại bảo hiểm, lãi chậm đóng

Có TK 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện (3752).

(2) Khi chuyển tiền đã thu các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng bảo hiểm về BHXH tỉnh, căn cứ vào Giấy báo Nợ của Kho bạc, Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 342- Phải trả nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm (3421)

Có TK 112- Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc.

(3) Hàng quý, tổng hợp số đã thu các loại bảo hiểm trên địa bàn, BHXH huyện lập báo cáo thu các loại bảo hiểm bao gồm số thu do các đơn vị nộp, căn cứ vào báo cáo quyết toán quý về thu bảo hiểm trên địa bàn huyện đã được phê duyệt, số thu các loại bảo hiểm phải nộp về BHXH tỉnh, ghi:

Nợ TK 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện (3752)

Có TK 342- Phải trả nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm (3421).

(4) Phản ánh số phải trả về thu nhầm các loại bảo hiểm phát hiện trong năm hoặc trong các năm trước, ghi:

(4.1) Khi phát hiện số thu nhầm các loại bảo hiểm, kế toán phản ánh số phải trả và ghi giảm số đã thu bảo hiểm phải nộp BHXH tỉnh, ghi:

Nợ TK 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện (3752)

Có TK 339- Phải trả của các quỹ bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng).

(4.2) Khi trả tiền cho đối tượng nộp nhầm, căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền và các chứng từ có liên quan, ghi:

Nợ TK 339- Phải trả của các quỹ bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng)

Có TK 112- Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc.

(5) Khi xác định được số thu BHYT năm nay từ số đã tạm thu các quỹ bảo hiểm, lãi chậm đóng của các đối tượng đã xác định phản ánh vào bên Có TK 335- Tạm thu các loại bảo hiểm, lãi chậm đóng theo quy định của chế độ tài chính, kế toán ghi giảm số tạm thu các quỹ bảo hiểm, lãi chậm, ghi tăng số thu BHYT năm nay, ghi:

Nợ TK 335- Tạm thu các loại bảo hiểm, lãi chậm đóng

Có TK 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện (TK chi tiết tương ứng).

(6) Đối với số thu trước BHYT năm sau:

- Khi phân bổ số tạm thu vào các quỹ, ghi:

Nợ TK 335- Tạm thu các loại bảo hiểm, lãi chậm đóng

Có TK 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện (375232).

- Đầu năm sau, ghi tăng số thu BHYT năm nay từ số đã thu trước BHYT cho năm sau, ghi:

Nợ TK 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện (375232)

Có TK 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện (375231).

11.2. Tại BHXH tỉnh, thành phố:

(1) Khi xác định được số thu các loại bảo hiểm từ số đã tạm thu các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng bảo hiểm, ghi:

Nợ TK 335- Tạm thu các loại bảo hiểm, lãi chậm đóng

Có TK 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện (3751).

(2) Khi chuyển tiền đã thu các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng bảo hiểm về BHXH Việt Nam, căn cứ vào Giấy báo Nợ của Kho bạc, Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 342- Phải trả nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm (3422)

Có TK 112- Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc.

(3) Hàng quý, tổng hợp số đã thu các loại bảo hiểm trên địa bàn, BHXH tỉnh lập báo cáo thu các loại bảo hiểm bao gồm số thu do các đơn vị nộp, căn cứ vào báo cáo quyết toán quý về thu bảo hiểm trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt, số thu các loại bảo hiểm phải nộp về BHXH Việt Nam, ghi:

Nợ TK 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện (3751)

Có TK 342- Phải trả nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm (3422).

(4) Hàng quý, tổng hợp số đã thu các loại bảo hiểm của BHXH huyện khi quyết toán được duyệt, ghi:

Nợ TK 142- Phải thu nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm (1421)

Có TK 342- Phải trả nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm (3422).

(5) Phản ánh số phải trả về thu nhầm các loại bảo hiểm phát hiện trong năm hoặc trong các năm trước, ghi:

(5.1) Khi phát hiện số thu nhầm các loại bảo hiểm, kế toán phản ánh số phải trả và ghi giảm số đã thu các loại bảo hiểm phải nộp BHXH Việt Nam kỳ này, ghi:

Nợ TK 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện (3751)

Có TK 339- Phải trả của các quỹ bảo hiểm.

(5.2) Khi trả tiền cho đối tượng nộp nhầm, căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền và các chứng từ có liên quan, ghi:

Nợ TK 339- Phải trả của các quỹ bảo hiểm

Có TK 112- Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc.

(6) Khi xác định được số thu BHYT năm nay từ số đã tạm thu các quỹ bảo hiểm, lãi chậm đóng của các đối tượng đã xác định phản ánh vào bên có TK 335- Tạm thu các loại bảo hiểm, lãi chậm đóng theo quy định của chế độ tài chính, kế toán ghi giảm số tạm thu các quỹ bảo hiểm, lãi chậm đóng, ghi tăng số thu BHYT năm nay, ghi:

Nợ TK 335- Tạm thu các loại bảo hiểm, lãi chậm đóng

Có TK 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện (TK chi tiết tương ứng).

(7) Đối với số thu trước BHYT năm sau:

- Khi phân bổ số tạm thu vào các quỹ, ghi:

Nợ TK 335- Tạm thu các loại bảo hiểm, lãi chậm đóng

Có TK 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện (375132)

- Đầu năm sau, ghi tăng số thu BHYT năm nay từ số đã thu trước BHYT cho năm sau, ghi:

Nợ TK 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện (375132)

Có TK 375- Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện (375131).

11.3. Tại BHXH Việt Nam:

(1) Khi nhận được tiền đã thu từ các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng bảo hiểm do BHXH các tỉnh chuyển lên (Căn cứ vào Giấy báo Có của Ngân hàng, Kho bạc), ghi:

Nợ TK 112- Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Có TK 142- Phải thu nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm (1422).

(2) Tổng hợp số đã thu các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng của BHXH các tỉnh gửi lên khi báo cáo quyết toán được duyệt, ghi:

Nợ TK 142- Phải thu nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm (1422)

Có TK 575- Thu các loại bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng).

(3) Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số đã thu BHXH trên địa bàn cả nước, ghi:

Nợ TK 575- Thu các loại bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng)

Có TK 911- Xác định kết quả.

12. Tài khoản 422- Quỹ dự phòng rủi ro trong hoạt động đầu tư tài chính: Tài khoản này sử dụng ở cơ quan BHXH Việt Nam để phản ánh sự hình thành và tình hình sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro trong hoạt động đầu tư tài chính của BHXH.

** Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 422- Quỹ dự phòng rủi ro trong hoạt động đầu tư tài chính*

Bên Nợ: Phản ánh số giảm quỹ dự phòng rủi ro.

Bên Có: Phản ánh số tăng quỹ dự phòng rủi ro.

Số dư bên Có: Phản ánh số quỹ dự phòng rủi ro hiện có tại đơn vị.

** Phương pháp hạch toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu*

(1) Khi trích lập quỹ dự phòng rủi ro hoạt động đầu tư tài chính từ các quỹ bảo hiểm từ số tiền lãi thực thu được hàng năm của hoạt động đầu tư tài chính, ghi:

Nợ TK 421- Chênh lệch thu, chi chưa xử lý (4213)

Có TK 422- Quỹ dự phòng rủi ro trong hoạt động đầu tư tài chính.

(2) Khi chi quỹ dự phòng rủi ro trong hoạt động đầu tư tài chính, ghi:

Nợ TK 422- Quỹ dự phòng rủi ro trong hoạt động đầu tư tài chính

Có các TK 111, 112.

13. Tài khoản 475- Quỹ bảo hiểm: Tài khoản này chỉ sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh sự hình thành và tình hình sử dụng các loại quỹ bảo hiểm, bao gồm: quỹ BHXH; quỹ BHYT; quỹ BHTN.

Tài khoản 475- Quỹ bảo hiểm có 4 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 4751- Quỹ BHXH: Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh sự hình thành và tình hình sử dụng quỹ BHXH, bao gồm: quỹ ốm đau, thai sản; quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quỹ hưu trí, tử tuất.

Tài khoản này có 3 TK cấp 3:

+ *Tài khoản 47511- Quỹ ốm đau, thai sản:* Tài khoản này dùng để phản ánh sự hình thành và tình hình sử dụng quỹ ốm đau, thai sản theo quy định.

+ *Tài khoản 47512- Quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:* Tài khoản này dùng để phản ánh sự hình thành và tình hình sử dụng quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định.

+ *Tài khoản 47513- Quỹ hưu trí, tử tuất*: Tài khoản này dùng để phản ánh sự hình thành và tình hình sử dụng quỹ hưu trí, tử tuất theo quy định.

- Tài khoản 4753- Quỹ BHYT*:* Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh sự hình thành và tình hình sử dụng quỹ BHYT, bao gồm: quỹ khám chữa bệnh BHYT; quỹ dự phòng khám chữa bệnh BHYT.

Tài khoản này có 2 TK cấp 3:

+ *Tài khoản 47531- Quỹ khám chữa bệnh BHYT*: Tài khoản này dùng để phản ánh sự hình thành và tình hình sử dụng quỹ KCB BHYT.

+ *Tài khoản 47532- Quỹ dự phòng khám chữa bệnh BHYT*: Tài khoản này dùng để phản ánh sự hình thành và tình hình sử dụng quỹ dự phòng KCB BHYT.

- Tài khoản 4755- Quỹ BHTN: Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh sự hình thành và tình hình sử dụng quỹ BHTN.

- Tài khoản 4756- Quỹ bảo hiểm do NSNN đảm bảo: Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tiếp nhận, sử dụng quyết toán nguồn kinh phí do NSNN cấp để chi BHXH, chi KCB BHYT trong trường hợp số chi KCB của các đối tượng do BHXH Bộ Quốc Phòng, BHXH Công an nhân dân phát hành thẻ vượt quỹ và chi phí vượt quỹ là chi phí ngoài phạm vi mức hưởng.

Tài khoản này có 2 TK cấp 3:

+ *Tài khoản 47561- Quỹ do NSNN đảm bảo chi BHXH*: Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình tiếp nhận, sử dụng quyết toán nguồn kinh phí do NSNN cấp để chi BHXH.

+ *Tài khoản 47562- Quỹ do NSNN đảm bảo chi KCB BHYT khối ANQP*: Tài khoản này dùng để phản ánh kinh phí NSNN cấp chi KCB BHYT trong trường hợp số chi KCB của các đối tượng do BHXH Bộ Quốc Phòng, BHXH Công an nhân dân phát hành thẻ vượt quỹ và chi phí vượt quỹ là chi phí ngoài phạm vi mức hưởng.

** Nguyên tắc hạch toán Tài khoản 475- Quỹ bảo hiểm*

- Quỹ BHXH được hình thành từ các nguồn: (ghép chung quỹ BHXH bắt buộc với quỹ BHXH tự nguyện, ko tách riêng 2 quỹ theo Luật BHXH)

+ Từ số đã thu các loại BHXH do BHXH các tỉnh thực hiện khi quyết toán được duyệt.

+ Nhà nước hỗ trợ một phần để đảm bảo thực hiện các chế độ BHXH cho các đối tượng do quỹ BHXH đảm bảo.

+ Các khoản thu do nhận viện trợ, tài trợ, thu lãi chậm đóng BHXH.

+ Trích từ các khoản chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động đầu tư tài chính từ các quỹ bảo hiểm.

+ Các khoản thu khác.

Quỹ BHYT được hình thành từ các nguồn:

+ Từ số đã thu BHYT do BHXH các tỉnh thực hiện khi quyết toán được duyệt.

+ Nhà nước hỗ trợ một phần để đảm bảo thực hiện chế độ khám chữa bệnh cho các đối tượng do quỹ khám, chữa bệnh đảm bảo.

+ Các khoản thu do nhận viện trợ, tài trợ; thu lãi chậm đóng bảo hiểm.

+ Trích từ các khoản chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động đầu tư tài chính từ các quỹ bảo hiểm.

+ Riêng quỹ khám chữa bệnh BHYT được bổ sung từ quỹ dự phòng khám chữa bệnh BHYT.

+ Các khoản thu khác.

- Quỹ BHTN được hình thành từ các nguồn:

+ Từ số đã thu BHTN do BHXH các tỉnh thực hiện khi quyết toán được duyệt.

+ Nhà nước hỗ trợ một phần để đảm bảo thực hiện các chế độ BHTN cho các đối tượng do Quỹ BHTN đảm bảo.

+ Trích từ các khoản chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động đầu tư tài chính từ các quỹ bảo hiểm.

+ Các khoản thu khác.

** Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 475- Quỹ bảo hiểm*

Bên Nợ:

- Phản ánh số thực chi các loại bảo hiểm cho các đối tượng do quỹ bảo hiểm bắt buộc đảm bảo trên địa bàn cả nước khi quyết toán được duyệt;

- Ghi giảm các quỹ bảo hiểm theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Bên Có: Phản ánh các quỹ bảo hiểm tăng từ các khoản thu của quỹ.

Số dư bên Có: Phản ánh các quỹ bảo hiểm hiện có của toàn ngành.

** Phương pháp hạch toán kế toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu*

(1) Cuối kỳ, kết chuyển chênh lệch thu các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng đã thực hiện trên địa bàn cả nước khi quyết toán được phê duyệt theo quy định của chế độ tài chính

- Kết chuyển toàn bộ số đã thu các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng trên địa bàn cả nước, ghi:

Nợ TK 575- Thu các loại bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng)

Có TK 911- Xác định kết quả.

- Kết chuyển toàn bộ số đã chi các loại bảo hiểm cho các đối tượng do quỹ bảo hiểm đảm bảo, ghi:

Nợ TK 911- Xác định kết quả

Có TK 675- Chi từ quỹ bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng).

- Kết chuyển chênh lệch thu, chi các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng đã thực hiện trên địa bàn cả nước, ghi:

Nợ TK 911- Xác định kết quả

Có TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế.

- Ghi tăng các quỹ bảo hiểm từ chênh lệch thu, chi các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng, ghi:

Nợ TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế

Có TK 475- Quỹ bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng).

(2) BHXH Việt Nam nhận được kinh phí do Ngân sách hỗ trợ để chi cho các đối tượng do Quỹ BHXH bắt buộc đảm bảo, ghi:

Nợ TK 112- Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Có TK 475- Quỹ bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng).

(3) Nhận được tiền viện trợ và có chứng từ ghi thu, ghi chi Ngân sách ngay khi tiếp nhận tiền viện trợ để bổ sung các quỹ bảo hiểm, ghi:

Nợ các TK 111, 112

Có TK 475- Quỹ bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng).

(4) Ghi tăng quỹ các quỹ bảo hiểm từ chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động đầu tư tài chính khi quyết toán được phê duyệt, ghi:

Nợ TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế

Có TK 475- Quỹ bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng).

(5) Ghi tăng các quỹ bảo hiểm số chi sai các loại bảo hiểm của các năm trước tại BHXH các tỉnh, trên địa bàn cả nước, ghi:

Nợ TK 342- Phải trả nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm

Có TK 475- Quỹ bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng).

(6) Các trường hợp ghi tăng các loại quỹ bảo hiểm theo quyết định của cấp có thẩm quyền, ghi:

Nợ các TK liên quan

Có TK 475- Quỹ bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng).

(7) Ghi giảm các loại quỹ bảo hiểm theo quyết định của cấp có thẩm quyền, ghi:

Nợ TK 475- Quỹ bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng)

Có các TK liên quan.

(8) Trích lập quỹ dự phòng khám chữa bệnh BHYT theo quy định trên số thu BHYT, ghi:

Nợ TK 675- Chi từ quỹ bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng)

Có TK 475- Quỹ bảo hiểm (47532).

(9) Khi trích lập quỹ khám chữa bệnh BHYT theo quy định trên số thu BHYT, ghi:

Nợ TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế

Có TK 475- Quỹ bảo hiểm (47531).

(10) Chi phí khám chữa bệnh thực tế phát sinh, ghi:

Nợ TK 675- Chi từ quỹ bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng)

Có TK 342- Phải trả nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm

Đồng thời, ghi:

Nợ TK 475- Quỹ bảo hiểm (47531).

Có TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế.

(11) Khi Quỹ khám chữa bệnh thiếu hụt (do số chi KCB lớn hơn số quỹ KCB hiện có), ghi:

Nợ TK 475- Quỹ bảo hiểm (47532)

Có TK 475- Quỹ bảo hiểm (47531).

14. Tài khoản 575- Thu các loại bảo hiểm: Tài khoản này chỉ sử dụng ở cơ quan BHXH Việt Nam để phản ánh và tổng hợp số thu các loại bảo hiểm đã thực hiện trên địa bàn cả nước.

Tài khoản 575- Thu các loại bảo hiểm có 6 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5751- Thu BHXH bắt buộc*:* Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh và tổng hợp số thu các loại BHXH bắt buộc đã thực hiện trên địa bàn cả nước.

Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 3:

+ *Tài khoản 57511- Quỹ ốm đau, thai sản:* Tài khoản này dùng để phản ánh và tổng hợp số thu quỹ ốm đau, thai sản đã thực hiện trên địa bàn cả nước.

+ *Tài khoản 57512- Quỹ TNLĐ-BNN:* Tài khoản này dùng để phản ánh và tổng hợp số thu quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đã thực hiện trên địa bàn cả nước.

+ *Tài khoản 57513- Quỹ hưu trí, tử tuất:* Tài khoản này dùng để phản ánh và tổng hợp số thu quỹ hưu trí, tử tuất đã thực hiện trên địa bàn cả nước.

- Tài khoản 5752- Thu BHXH tự nguyện: Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh và tổng hợp số thu BHXH tự nguyện đã thực hiện trên địa bàn cả nước.

- Tài khoản 5753- Thu BHYT: Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh và tổng hợp số thu BHYT đã thực hiện trên địa bàn cả nước.

- Tài khoản 5754- Thu BHTN: Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh và tổng hợp số thu BHTN đã thực hiện trên địa bàn cả nước.

- Tài khoản 5755- Thu lãi chậm đóng BHXH Việt Nam: Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh và tổng hợp số thu lãi chậm đóng các loại bảo hiểm đã thực hiện trên địa bàn cả nước, bao gồm: thu lãi chậm đóng BHXH bắt buộc; BHXH tự nguyện; BHYT; BHTN.

Tài khoản này có 4 tài khoản cấp 3:

+ *Tài khoản 57551- Lãi chậm đóng BHXH bắt buộc:* Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh và tổng hợp số thu lãi chậm đóng các loại BHXH bắt buộc trên địa bàn cả nước

+ *Tài khoản 57552- Lãi chậm đóng BHXH tự nguyện:* Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh và tổng hợp số thu lãi chậm đóng các loại BHXH tự nguyện trên địa bàn cả nước

+ *Tài khoản 57553- Lãi chậm đóng BHYT:* Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh và tổng hợp số thu lãi chậm đóng các loại BHYT trên địa bàn cả nước

+ *Tài khoản 57554- Lãi chậm đóng BHTN:* Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh và tổng hợp số thu lãi chậm đóng các loại BHTN trên địa bàn cả nước.

- Tài khoản 5758- Thu khác: Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh và tổng hợp số thu nghiệp vụ bảo hiểm khác của BHXH Việt Nam.

** Nguyên tắc hạch toán Tài khoản 575- Thu các loại bảo hiểm*

- Chỉ được phản ánh vào tài khoản này số thu các loại bảo hiểm được kết chuyển theo quy định của chế độ tài chính từ số đã tạm thu các loại bảo hiểm của các đối tượng đóng BHXH bắt buộc đã xác định phản ánh trên TK 335- Tạm thu các loại bảo hiểm, lãi chậm đóng.

- Trường hợp thu nhầm các loại bảo hiểm, kế toán phản ánh số phải trả về thu nhầm BHXH bắt buộc phát hiện trong năm nay và các năm trước vào bên Có TK 339- Phải trả của các quỹ bảo hiểm để ghi giảm số thu bảo hiểm phải nộp đơn vị cấp trên. Việc chi trả các khoản thu nhầm các loại bảo hiểm, cơ quan BHXH chỉ được thực hiện khi có chứng từ hợp lệ và có quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định của chế độ tài chính.

- Hàng quý, cơ quan BHXH cấp dưới lập báo cáo thu các loại bảo hiểm gửi cơ quan BHXH cấp trên về số đã thu các loại bảo hiểm. Khi báo cáo quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế toán phản ánh số đã thu các loại bảo hiểm phải nộp cấp trên.

- Căn cứ vào báo cáo quyết toán quý của BHXH tỉnh đã được duyệt gửi lên, đơn vị BHXH Việt Nam phản ánh số thu các loại bảo hiểm phải thu của đơn vị BHXH tỉnh.

** Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 575- Thu các loại bảo hiểm*

Bên Nợ: Số thực thu các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng được kết chuyển sang tài khoản 911 "Xác định kết quả".

Bên Có: Số thực thu các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng đã thực hiện trên địa bàn cả nước.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

** Phương pháp hạch toán kế toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu*

(1) Khi nhận được tiền đã thu từ các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng bảo hiểm do BHXH các tỉnh chuyển lên (Căn cứ vào Giấy báo Có của Ngân hàng, Kho bạc), ghi:

Nợ TK 112- Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc

Có TK 142- Phải thu nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm (1422).

(2) Cuối năm, tổng hợp số đã thu các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng bảo hiểm của BHXH các tỉnh gửi lên khi báo cáo quyết toán được duyệt, ghi:

Nợ TK 142- Phải thu nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm (1422)

Có TK 575- Thu các loại bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng).

(3) Kết chuyển toàn bộ số đã thu các loại bảo hiểm và lãi chậm đóng trên địa bàn cả nước sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả", ghi:

Nợ TK 575- Thu các loại bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng)

Có TK 911- Xác định kết quả.

15. Tài khoản 675- Chi từ quỹ bảo hiểm: Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh số thực chi lương hưu và trợ cấp BHXH cho các đối tượng do quỹ BHXH đảm bảo, chi BHYT; BHTN và chi BHXH do NSNN đảm bảo trên địa bàn cả nước.

Tài khoản 675- Chi từ quỹ bảo hiểm có 5 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6751- Chi BHXH: Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh và tổng hợp số chi các loại BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện đã thực hiện trên địa bàn cả nước.

Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 3:

+ *Tài khoản 67511- Chi ốm đau, thai sản:* Tài khoản này dùng để phản ánh và tổng hợp số chi quỹ ốm đau, thai sản đã thực hiện trên địa bàn cả nước.

+ *Tài khoản 67512- Chi TNLĐ-BNN*: Tài khoản này dùng để phản ánh và tổng hợp số chi quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đã thực hiện trên địa bàn cả nước.

+ *Tài khoản 67513- Chi hưu trí, tử tuất:* Tài khoản này dùng để phản ánh và tổng hợp số chi quỹ hưu trí, tử tuất đã thực hiện trên địa bàn cả nước.

- Tài khoản 6753- Chi BHYT: Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh và tổng hợp số chi BHYT đã thực hiện trên địa bàn cả nước.

Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 3:

+ *Tài khoản 67531- Chi KCB BHYT:* Tài khoản này dùng để phản ánh và tổng hợp số chi KCB BHYT đã thực hiện trên địa bàn cả nước.

+ *Tài khoản 67532- Trích quỹ dự phòng KCB BHYT*: Tài khoản này dùng để phản ánh việc trích lập quỹ dự phòng KCB BHYT *từ số thu BHYT* đã thực hiện trên địa bàn cả nước.

+ *Tài khoản 67533- Trích chi phí quản lý BHYT:* Tài khoản này dùng để phản ánh việc trích chi phí quản lý BHYT theo quy định

- Tài khoản 6754- Chi BHTN: Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh và tổng hợp số chi BHTN đã thực hiện trên địa bàn cả nước.

- Tài khoản 6755- Chi BHXH do NSNN đảm bảo: Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh và tổng hợp số chi lương hưu và trợ cấp BHXH do NSNN đảm bảo.

- Tài khoản 6758- Chi khác*:* Tài khoản này sử dụng ở BHXH Việt Nam để phản ánh và tổng hợp số chi khác.

** Nguyên tắc hạch toán Tài khoản 675- Chi từ quỹ bảo hiểm*

- Hạch toán Tài khoản 675 phải đảm bảo nguyên tắc phản ánh theo số thực tế chi trả lương hưu và trợ cấp BHXH; số thực tế thanh, quyết toán chi phí BHYT

cho các cơ sở khám chữa bệnh có ký hợp đồng với cơ quan BHXH hoặc số thực tế chi trả BHTN.

- Tài khoản 675 phải hạch toán chi tiết cho từng đối tượng nhận BHXH và theo nội dung chi: ốm đau, thai sản, hưu trí, tử tuất, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo từng quỹ thành phần và đúng chế độ chi BHXH cho các đối tượng do quỹ BHXH bắt buộc đảm bảo; chi tiết từng đối tượng nhận lương hưu và trợ cấp BHXH do quỹ BHXH tự nguyện đảm bảo; chi tiết từng đối tượng nhận BHYT, BHTN và theo nội dung chi BHYT, BHTN theo chế độ quy định.

- Căn cứ để ghi vào Tài khoản 675 là báo cáo chi các loại bảo hiểm của BHXH tỉnh được phê duyệt để tổng hợp chi các loại bảo hiểm trên địa bàn cả nước.

** Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 675- Chi từ quỹ bảo hiểm*

Bên Nợ:

- Tổng hợp chi các loại bảo hiểm theo số được duyệt y quyết toán của các BHXH tỉnh;

- Số chi khám chữa bệnh đa tuyến đi do BHXH Việt Nam thông báo.

Bên Có:

- Số chi các loại bảo hiểm cho các đối tượng do các quỹ bảo hiểm đảm bảo được duyệt y quyết toán kết chuyển sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả".

- Số chi sai bị xuất toán phải thu hồi

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

** Phương pháp hạch toán kế toán một số hoạt động kinh tế chủ yếu*

(1) Trích lập quỹ dự phòng khám chữa bệnh BHYT theo quy định trên số thu BHYT, ghi:

Nợ TK 675- Chi từ quỹ bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng)

Có TK 475- Quỹ bảo hiểm (47532).

(2) Trích chi phí quản lý quỹ BHYT theo quy định trên số thu BHYT, ghi:

Nợ TK 675- Chi từ Quỹ Bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng)

Có TK 346- Kinh phí cấp cho cấp dưới.

(3) Khi báo cáo chi các loại bảo hiểm do quỹ bảo hiểm đảm bảo của BHXH các tỉnh, thành phố được duyệt chính thức và tổng hợp thành số chi bảo hiểm trên địa bàn cả nước, ghi:

Nợ TK 675- Chi từ quỹ bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng)

Có TK 342- Phải trả nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng).

Đối với chi khám chữa bệnh BHYT, đồng thời ghi:

Nợ TK 475- Quỹ bảo hiểm (47531).

Có TK 421- Thặng dư (thâm hụt) lũy kế.

(4) Kết chuyển số đã chi các loại bảo hiểm cho các đối tượng do quỹ bảo hiểm đảm bảo trên địa bàn cả nước của cấp có thẩm quyền, ghi:

Nợ TK 911- Xác định kết quả

Có TK 675- Chi từ quỹ bảo hiểm (TK chi tiết tương ứng).

Phụ lục số 03

HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính)

I. DANH MỤC SỔ KẾ TOÁN

STT	Tên Sổ	Ký hiệu mẫu sổ
1	Sổ chi tiết chi ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe	S80a-BH
2	Sổ tổng hợp chi ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe	S80b-BH
3	Sổ chi tiết chi tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp	S81-BH
4	Sổ chi tiết chi lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội	S82-BH
5	Sổ chi tiết chi bảo hiểm thất nghiệp	S83-BH
6	Sổ tổng hợp chi lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội	S84-BH
7	Sổ theo dõi chi khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại cơ quan bảo hiểm xã hội	S85a-BH
8	Sổ theo dõi chi khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại cơ sở khám chữa bệnh	S85b-BH
9	Sổ tổng hợp chi khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế	S86-BH
10	Sổ chi tiết chi quỹ khen thưởng phúc lợi	S87-BH
11	Sổ chi tiết lãi tiền gửi	S88-BH
12	Sổ chi tiết chi quỹ bổ sung thu nhập tại đơn vị	S89a-BH
13	Sổ chi tiết quỹ bổ sung thu nhập nộp cấp trên	S89b-BH
14	Sổ theo dõi số tiền còn phải trả cho người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, bảo hiểm thất nghiệp	S90-BH
15	Sổ tổng hợp thu hồi kinh phí chi bảo hiểm	S91-BH
16	Thuyết minh thu hồi chi sai	S91TM-BH

II. MẪU SỔ KẾ TOÁN BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CẤP TRÊN:.....

ĐƠN VỊ:.....

Mẫu số: S80a-BH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT CHI ỐM ĐAU, THAI SẢN, DƯỠNG SỨC PHỤC HỒI SỨC KHỎE

Năm.....

Tên cơ quan (đơn vị):..... Mã số:.....

Số hiệu tài khoản:..... Mở tại:.....

Đơn vị tính:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tổng số chi	Chi ốm đau			Chi nghỉ DSPHSK sau ốm đau			Chi thai sản			Chi nghỉ DSPHSK sau thai sản		
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượt người	Số ngày	Số tiền	Số lượt người	Số ngày	Số tiền	Số lượt người	Số ngày	Số tiền	Số lượt người	Số ngày	Số tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
			Số dư đầu kỳ													
			Cộng phát sinh kỳ													
			Số dư cuối kỳ													
			Cộng lũy kế từ đầu quý													
			Cộng lũy kế từ đầu năm													

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

Ngày... tháng... năm.....

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CẤP TRÊN:.....
ĐƠN VỊ:.....

Mẫu số: S80b-BH
(Ban hành theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ TỔNG HỢP CHI ỐM ĐAU, THAI SẢN, DƯỠNG SỨC PHỤC HỒI SỨC KHỎE

Năm.....

Đơn vị tính:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tổng số chi	Đóng BHYT		Chi ốm đau			Chi nghỉ DSPHSK sau ốm đau			Chi thai sản			Chi nghỉ DSPHSK sau thai sản		
	Số hiệu	Ngày tháng			Số người	Số tiền	Số lượt người	Số ngày	Số tiền	Số lượt người	Số ngày	Số tiền	Số lượt người	Số ngày	Số tiền	Số lượt người	Số ngày	Số tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
			Số dư đầu kỳ															
			Cộng phát sinh kỳ															
			Số dư cuối kỳ															
			Cộng lũy kế từ đầu quý															
			Cộng lũy kế từ đầu năm															

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

Ngày... tháng... năm.....

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CẤP TRÊN:.....
ĐƠN VỊ:.....

Mẫu số: S81-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT CHI TAI NẠN LAO ĐỘNG - BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Năm.....

Đơn vị tính:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tổng số chi	Đóng BHYT		Trợ cấp TNLD - BNN		Trợ cấp phục vụ TNLĐ-BNN		Trợ cấp TNLD-BNN 1 lần		Trợ cấp 1 lần khi chết do TNLĐ-BNN		Phương tiện trợ giúp SH, DCCH		Giám định thương tật, bệnh tật, y khoa		Phòng ngừa chia sẻ rủi ro TNLĐ - BNN		Hỗ trợ chuyển đổi nghề		Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe			...	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số lượt người	Số ngày	Số tiền	Số người	Số tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
			Số dư đầu kỳ																								
			Cộng phát sinh kỳ																								
			Số dư cuối kỳ																								
			Cộng lũy kế từ đầu quý																								
			Cộng lũy kế từ đầu năm																								

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

Ngày... tháng... năm.....

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BHXH.....

Mẫu số: S82-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT CHI LƯƠNG HƯU VÀ TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI

Năm.....

Nguồn kinh phí.....

Đơn vị tính:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tổng	Đóng BHYT		Loại Trợ cấp.....		Loại Trợ cấp.....		Loại Trợ cấp.....	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9
			Số dư đầu kỳ									
			Cộng phát sinh kỳ									
			Số dư cuối kỳ									
			Công lũy kế từ đầu quý									
			Cộng lũy kế từ đầu năm									

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

Ngày... tháng... năm.....

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BHXH.....

Mẫu số: S83-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT CHI BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Năm.....

Đơn vị tính:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tổng số tiền	Đóng BHYT		Trợ cấp thất nghiệp		Hỗ trợ học nghề		Hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm		Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề		Chi khác (nếu có)	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
			Số dư đầu kỳ													
			Cộng phát sinh kỳ													
			Số dư cuối kỳ													
			Cộng lũy kế từ đầu quý													
			Cộng lũy kế từ đầu năm													

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

Ngày... tháng... năm.....

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CẤP TRÊN:.....
ĐƠN VỊ:.....

Mẫu số: S84-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ TỔNG HỢP CHI LƯƠNG HƯU VÀ TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI

Năm.....

Loại trợ cấp:..... Nguồn kinh phí:.....

Đơn vị tính:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số chưa trả tháng trước chuyển sang			Số phát sinh trong tháng				Số thực trả lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo		Số chưa trả đến cuối tháng này			
	Số hiệu	Ngày tháng		Số người		Số tiền	Số phải trả phát sinh trong tháng		Số thực trả trong tháng				Số không phải trả		Số còn phải trả	
				Tổng số	*Trong đó hết hạn hưởng còn những tháng chưa đến nhận*		Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền	Số người	Số tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
			Cộng phát sinh tháng													
			Cộng lũy kế từ đầu quý													

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CẤP TRÊN:.....
ĐƠN VỊ:.....

Mẫu số: S85a-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ THEO DÕI CHI KHÁM, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ TẠI CƠ QUAN BẢO HIỂM XÃ HỘI

Năm.....

Đơn vị tính:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Mã CS KCB	Tổng cộng	Số chi trong năm													Chi trước BHYT cho năm sau				Chi 20% kinh phí kết dư quỹ KCB của tỉnh		
						Thanh toán trực tiếp			Chăm sóc sức khỏe ban đầu											Chi CSSKBĐ					
										Học sinh, sinh viên		Trẻ em dưới 6 tuổi		Người làm việc trên tàu đánh bắt xa bờ		Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp									
	Số hiệu	Ngày tháng				Cộng	Người bệnh trong tỉnh	Người bệnh ngoại tỉnh đến	Cộng	Người bệnh trong tỉnh	Người bệnh ngoại tỉnh đến	Người bệnh trong tỉnh	Người bệnh ngoại tỉnh đến	Người bệnh trong tỉnh	Người bệnh ngoại tỉnh đến	Người bệnh trong tỉnh	Người bệnh ngoại tỉnh đến	Y tế cơ quan đối tượng cơ yếu do BHXH tỉnh phát hành thẻ	Cộng	Người bệnh trong tỉnh	Người bệnh ngoại tỉnh đến	Chi KCB khác	Cộng	Năm ...	Năm ...
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
			Số dư đầu kỳ																						
			Cộng phát sinh kỳ																						
			Số dư cuối kỳ																						
			Cộng lũy kế từ đầu quý																						

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CẤP TRÊN:.....
ĐƠN VỊ:.....

Mẫu số: S85b-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ THEO DÕI CHI KHÁM, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ TẠI CƠ SỞ KHÁM CHỮA BỆNH
Năm.....
Tên cơ sở KCB.....
Mã cơ sở KCB.....

Đơn vị tính:.....

STT	Chứng từ		Diễn giải	Tổng cộng	Chi cho cơ sở khám chữa bệnh											Chi kết dư quỹ KCB định suất để lại cho cơ sở KCB	Chi khác
	Số hiệu	Ngày tháng			Cộng	Người bệnh trong tỉnh	Trong đó: Đối tượng cơ yếu		Người bệnh ngoại tỉnh đến	Trong đó							
										Đối tượng QN		Đối tượng CA		Đối tượng CY			
							Trong phạm vi	Ngoài phạm vi		Trong phạm vi	Ngoài phạm vi	Trong phạm vi	Ngoài phạm vi	Trong phạm vi	Ngoài phạm vi		
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
			Số dư đầu kỳ														
			Cộng phát sinh kỳ														
			Cộng phát sinh quý														
			Cộng lũy kế từ đầu quý														

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CẤP TRÊN:.....
ĐƠN VỊ:.....

Mẫu số: S86-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ TỔNG HỢP CHI KHÁM, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ

Quý..... Năm...

Đơn vị tính:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tổng số	Chi trong năm														Chi 20% kinh phí kết dư quỹ KCB của tỉnh		
	Số hiệu	Ngày tháng			Thanh toán trực tiếp			Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu			Thanh toán cho cơ sở KCB			Chi kết dư quỹ KCB định suất để lại cho cơ sở KCB	Chi trước cho năm sau			Chi khác			
					Cộng	Người bệnh trong tỉnh	Người bệnh ngoại tỉnh đến	Cộng	Người bệnh trong tỉnh	Người bệnh ngoại tỉnh đến	Cộng	Người bệnh trong tỉnh	Người bệnh ngoại tỉnh đến		Cộng	Người bệnh trong tỉnh	Người bệnh ngoại tỉnh đến		Cộng	Năm ...	Năm ...
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
			Số dư đầu kỳ																		
			Cộng phát sinh kỳ																		
			Số dư cuối kỳ																		
			Cộng lũy kế từ đầu quý																		

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

Ngày... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BHXH.....

Mẫu số: S87-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT CHI QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Năm.....

Đơn vị tính:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tổng số chi	Trong đó				
	Số hiệu	Ngày tháng			Chi...	Chi...	Chi...	Chi...	Chi...
A	B	C	D	1	2	3	4	5	...
			Số dư đầu kỳ						
			Cộng phát sinh quý						
			Lũy kế từ đầu năm						

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BHXH.....

Mẫu số: S88-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT LÃI TIỀN GỬI

Năm.....

Đơn vị tính:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Lãi kỳ trước chưa nộp về cấp trên	Lãi phát sinh trong kỳ						Lãi được giữ lại đơn vị để sử dụng	Lãi đã nộp cấp trên	Lãi còn phải nộp cấp trên
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số	Lãi phát sinh trên tài khoản tiền gửi thu BHXH	Lãi phát sinh trên tài khoản tiền gửi chi BHXH	Lãi phát sinh trên tài khoản tiền gửi chi BHYT	Lãi phát sinh trên tài khoản tiền gửi chi hoạt động	Lãi phát sinh trên tài khoản tiền gửi XDCB			
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
			Số dư đầu kỳ										
			Cộng phát sinh quý										
			Lũy kế từ đầu năm										

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BHXH.....

Mẫu số: S89a-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT CHI QUỸ BỔ SUNG THU NHẬP TẠI ĐƠN VỊ

Năm.....

Đơn vị tính:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tổng số chi	Trong đó				
	Số hiệu	Ngày tháng			Chi...	Chi...	Chi...	Chi...	Chi...
A	B	C	D	1	2	3	4	5	...
			Số dư đầu kỳ						
			Cộng phát sinh quý						
			Lũy kế từ đầu năm						

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BHXH.....

Mẫu số: S89b-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT CHI QUỸ BỔ SUNG THU NHẬP NỘP CẤP TRÊN

Năm.....

Đơn vị tính:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tổng số chi	Trong đó				
	Số hiệu	Ngày tháng			Chi...	Chi...	Chi...	Chi...	Chi...
A	B	C	D	1	2	3	4	5	...
			Số dư đầu kỳ						
			Cộng phát sinh quý						
			Lũy kế từ đầu năm						

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang....
- Ngày mở sổ:.....

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI GHI SỔ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CẤP TRÊN:.....
ĐƠN VỊ.....

Mẫu số: S90-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ THEO DÕI SỐ TIỀN CÒN PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI HƯỞNG LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI HÀNG THÁNG, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Tháng..... Năm.....

Nguồn kinh phí:.....
Họ và tên:.....
Mã số BHXH:.....
Loại chế độ:.....

Đơn vị tính:.....

STT	**Tháng**	**Diễn giải**	**Số tiền hưởng chế độ chưa nhận** (đồng)	**Số tiền đã nhận** (đồng)	**Số tiền còn phải trả**	**Ghi chú**
A	B	C	1	2	3	D

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH, TP.....

Mẫu số: S91-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ TỔNG HỢP THU HỒI KINH PHÍ CHI BẢO HIỂM

Quý... Năm.....

Đơn vị tính:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Thực hiện thu hồi của Đơn vị				Nộp số thu hồi chi sai về BHXH cấp trên					
	Số hiệu	Ngày tháng		Số còn phải thu hồi năm trước chuyển sang	Số phải thu trong năm	Số đã thu hồi trong năm	Số còn phải thu hồi chuyển năm sau	Số năm trước còn phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển năm sau	Trong đó	
												Số tiền đã thu chưa nộp	Số còn phải thu hồi
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
			KP do NSNN đảm bảo										
			Lương hưu										
			Trợ cấp										
			Quỹ BHXH										
			Quỹ ốm đau, thai sản										
			Quỹ TNLĐ-BNN										
			Quỹ hưu trí, tử tuất										
			- Tự nguyện										
			- Bắt buộc										
			Quỹ BH thất nghiệp										
			Quỹ BHYT										
			CỘNG										

- Sổ này có..... trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

..., Ngày... tháng... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký , họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số: S91TM-BH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

*** THUYẾT MINH THU HỒI CHI SAI**

Đơn vị tính:.....

Chỉ tiêu		Mã chỉ tiêu	Số tiền	Thuyết minh thu hồi chi sai
A		B	1	2
Nguồn NSNN		THN00		
Số chưa nộp về BHXH cấp trên năm trước chuyển sang		THN01		
Số phải nộp trong năm	**Tổng cộng**	THN02		
	Cơ quan BHXH	THN03		
	Đại diện chi trả xã, phường	THN04		
	Cơ quan Bưu điện	THN05		
	Cá nhân, đơn vị khác	THN06		
Số đã nộp trong năm		THN07		
Số còn phải nộp BHXH cấp trên chuyển kỳ sau	**Tổng cộng**	THN08		
	Cơ quan BHXH	THN09		
	Đại diện chi trả xã, phường	THN10		
	Cơ quan Bưu điện	THN11		
	Cá nhân, đơn vị khác	THN12		

Nguồn Quỹ			THQ00		
Số chưa nộp về BHXH cấp trên năm trước chuyển sang			THQ01		
Số phải nộp trong năm	Quỹ BHXH, BHTN	**Tổng cộng**	THQ02		
		Cơ quan BHXH	THQ03		
		Đại diện chi trả xã, phường	THQ04		
		Cơ quan Bưu điện	THQ05		
		Trung tâm dịch vụ việc làm	THQ06		
		Đơn vị sử dụng lao động	THQ07		
		Cá nhân, đơn vị khác	THQ08		
	Quỹ BHYT	**Tổng cộng**	THQ09		
		Cơ sở KCB	THQ10		
		Cá nhân, đơn vị khác	THQ11		
Số đã nộp trong năm			THQ12		
Số còn phải nộp BHXH cấp trên chuyển kỳ sau	**Tổng cộng**		THQ13		
	Cơ quan BHXH		THQ14		
	Đại diện chi trả xã, phường		THQ15		
	Cơ quan Bưu điện		THQ16		
	Trung tâm dịch vụ việc làm		THQ17		
	Đơn vị sử dụng lao động		THQ18		
	Cơ sở KCB		THQ19		
	Cá nhân, đơn vị khác		THQ20		

Phụ lục số 04

HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO NGHIỆP VỤ QUỸ BẢO HIỂM DO HỆ THỐNG BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính)

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ BẢO HIỂM

1. Danh mục báo cáo tài chính

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu báo cáo	Kỳ hạn lập báo cáo
1	2	3	4
1	B01/BCTC-QBH	Báo cáo tình hình tài chính quỹ bảo hiểm	Năm
2	B02/BCTC-QBH	Báo cáo kết quả hoạt động quỹ bảo hiểm	Năm
3	B03/BCTC-QBH	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quỹ bảo hiểm	Năm
4	B04/BCTC-QBH	Thuyết minh báo cáo tài chính quỹ bảo hiểm	Năm

Mẫu biểu báo cáo tài chính quỹ bảo hiểm được sử dụng cho các đơn vị BHXH là đơn vị kế toán cơ sở lập báo cáo và đồng thời sử dụng cho BHXH cấp trên (BHXH Việt Nam, BHXH tỉnh) tổng hợp số liệu.

2. Nơi nhận báo cáo

Các đơn vị BHXH cấp dưới phải nộp báo cáo về BHXH cấp trên trực tiếp theo quy định.

Báo cáo tài chính quỹ bảo hiểm do BHXH Việt Nam tổng hợp từ các đơn vị trực thuộc (BHXH tỉnh và đơn vị tương đương) nộp về Bộ Tài chính (KBNN và các Vụ chuyên ngành).

II. BÁO CÁO NGHIỆP VỤ QUỸ BẢO HIỂM

1. Danh mục báo cáo

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu báo cáo	Kỳ hạn lập báo cáo
1	2	3	4
1	B07a-BH	Báo cáo thu BHXH, BHYT, BHTN	Quý
2	B07b-BH	Báo cáo tổng hợp thu BHXH, BHYT, BHTN toàn tỉnh	Quý
3	B07c-BH	Báo cáo tổng hợp thu BHXH, BHYT, BHTN toàn quốc	Năm
4	F01-07-BH	Báo cáo chi tiết số thu BHXH, BHYT, BHTN	Quý
5	B08a-BH	Báo cáo tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí chi BHXH, BHTN	Quý
6	B08b-BH	Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí chi BHXH, BHTN toàn tỉnh	Quý
7	B08c-BH	Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí chi BHXH, BHTN toàn quốc	Năm
8	B08d-BH	Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí chi BHXH do NSNN đảm bảo	Năm
9	B09a-BH	Báo cáo tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí chi BHYT	Quý
10	B09b-BH	Báo cáo tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí chi BHYT toàn tỉnh	Quý
11	B09c-BH	Báo cáo tổng hợp tình hình và quyết toán kinh phí chi khám chữa bệnh BHYT toàn quốc	Năm
12	B10a-BH	Báo cáo tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí dành cho khám chữa bệnh chưa sử dụng để lại địa phương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trên địa bàn tỉnh	Quý

13	B10b-BH	Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí dành cho khám chữa bệnh chưa sử dụng để lại các địa phương, Bộ quốc phòng, Bộ công an	Năm
14	B11-BH	Báo cáo thanh toán về thu BHXH, BHYT, BHTN	Quý
15	B12a-BH	Báo cáo tình hình đầu tư tài chính	Năm
16	B12b-BH	Báo cáo tình hình lãi đầu tư tài chính	Năm
17	B12c-BH	Báo cáo thu, chi đầu tư tài chính	Năm
18	B13a-BH	Báo cáo quyết toán quỹ BHXH, BHTN	Năm
19	B13b-BH	Báo cáo quyết toán quỹ BHYT	Năm
20	B14-BH	Báo cáo trích lập quỹ dự phòng rủi ro trong hoạt động đầu tư tài chính	Năm
21	B15a-BH	Báo cáo cân đối quỹ khám, chữa bệnh BHYT do địa phương quản lý	Năm
22	B15b-BH	Báo cáo tổng hợp cân đối quỹ khám, chữa bệnh BHYT	Năm
23	B16a-BH	Báo cáo số phải thu BHXH, BHYT, BHTN và lãi chậm đóng	Quý
24	B16b-BH	Báo cáo tổng hợp số phải thu BHXH, BHYT, BHTN và lãi chậm đóng toàn địa bàn	Quý
25	B17a-BH	Báo cáo tổng hợp thu hồi chi sai BHXH năm trước nguồn NSNN	Quý
26	B17b-BH	Báo cáo tổng hợp thu hồi chi sai năm trước nguồn quỹ BHXH, BHYT, BHTN	Quý

2. Nơi nhận báo cáo

BHXH cấp dưới phải nộp báo cáo về BHXH cấp trên.

BHXH Việt Nam phải nộp báo cáo nghiệp vụ quản lý quỹ bảo hiểm cho Bộ Tài chính.

III. MẪU BÁO CÁO

1. BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ BẢO HIỂM

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN:.....
ĐƠN VỊ BÁO CÁO:.....

Mẫu B01/BCTC-QBH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH QUỸ BẢO HIỂM

Tại ngày..... tháng..... năm.....

Đơn vị tính:.....

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	D	1	2
	TÀI SẢN				
I	**Tiền**	**101**			
II	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**105**			
III	**Các khoản phải thu**	**110**			
1	Phải thu bảo hiểm và lãi chậm đóng bảo hiểm	111			
2	Phải thu số đã chi sai bảo hiểm cho đối tượng	112			
3	Phải thu bảo hiểm của khối AN-QP	113			
4	Phải thu nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm	114			
5	Phải thu hoạt động đầu tư quỹ	115			
6	Chi các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện	116			
7	Ứng trước cho NSNN	117			
8	Các khoản phải thu khác	118			
IV	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**120**			
V	**Tài sản khác**	**130**			
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (150 = 101+105+110+120+130)	**150**			
	NGUỒN VỐN				

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I	**Nợ phải trả**	**160**			
1	Tạm thu các loại BH và lãi chậm đóng	161			
2	Phải trả về số thu bảo hiểm	162			
3	Phải trả người hưởng các chế độ bảo hiểm	163			
4	Phải trả nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm	164			
5	Phải trả về chi bảo hiểm với đơn vị ngoài ngành	165			
6	Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện	166			
7	Nợ phải trả khác	167			
II	**Tài sản thuần**	**170**			
1	Thặng dư (thâm hụt) lũy kế từ hoạt động các quỹ BH	171			
2	Quỹ bảo hiểm	172			
3	Quỹ dự phòng rủi ro trong đầu tư tài chính	173			
4	Tài sản thuần khác	174			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (180=160+170)		**180**			

Lập, ngày... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Mẫu B02/BCTC-QBH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ BẢO HIỂM

Năm.....

Đơn vị tính:.....

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
I	**Hoạt động tài chính của quỹ**				
1	Doanh thu	101			
2	Chi phí	102			
3	Thặng dư/thâm hụt (103=102-101)	103			
II	**Hoạt động quỹ bảo hiểm**				
1	Thu	105			
2	Chi	106			
3	Thặng dư/thâm hụt (107=105-106)	107			
III	**Thặng dư/thâm hụt trong năm (120=103+107)**	120			
1	Bổ sung quỹ BHXH (Hưu trí, tử tuất)	121			
2	Bổ sung quỹ dự phòng BHYT	122			
3	Bổ sung quỹ BHTN	123			
4	Bổ sung quỹ dự phòng rủi ro trong hoạt động đầu tư tài chính	124			
5	Trích kinh phí hoạt động cho BHXH Việt Nam	125			
6	Khác	126			

Lập, ngày... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN:.....
ĐƠN VỊ BÁO CÁO:.....

Mẫu B03/BCTC-QBH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUỸ BẢO HIỂM

Năm.....

Đơn vị tính:.....

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
I	**Hoạt động đầu tư quỹ**	**101**			
1	Tiền thu từ các khoản đầu tư quỹ bảo hiểm	102			
2	Tiền quỹ bảo hiểm chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	103			
II	**Quỹ BHXH**	**111**			
1	Tiền thu BHXH	112			
2	Tiền chi BHXH	113			
III	**Quỹ BHYT**	**121**			
1	Tiền thu BHYT	122			
2	Tiền chi BHYT	123			
IV	**Quỹ BHTN**	**131**			
1	Tiền thu BHTN	132			
2	Tiền chi BHTN	133			
V	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động các quỹ bảo hiểm trong năm**	**150**			
VI	**Số dư tiền quỹ bảo hiểm đầu kỳ**	**160**			
VII	**Số dư tiền quỹ bảo hiểm cuối kỳ**	**170**			

Lập, ngày... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN:.....
ĐƠN VỊ BÁO CÁO:.....

Mẫu B04/BCTC-QBH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỸ BẢO HIỂM CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/20xx

I. Thông tin khái quát

Đơn vị.....

QĐ thành lập số..... ngày...../...../.....

Tên cơ quan cấp trên trực tiếp:.....

II. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của đơn vị được lập theo hướng dẫn của chế độ kế toán..... ban hành theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam. Các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán trong suốt các kỳ kế toán được trình bày trên báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính của bản thân đơn vị kế toán chưa bao gồm thông tin của các đơn vị kế toán cấp dưới trực thuộc.

Báo cáo tài chính của đơn vị đã được..... phê duyệt để phát hành vào ngày.....

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính của quỹ bảo hiểm (B01/BCTC-QBH)

1. Tiền các quỹ bảo hiểm

Đơn vị tính:.....

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt		
- Tiền gửi kho bạc		
- Tiền gửi ngân hàng		
- Tiền đang chuyển		

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Gửi tiền tại các NHTM		
- Đầu tư tài chính khác (chi tiết)		
+...		
+...		
Tổng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:		

3. Phải thu bảo hiểm và lãi chậm đóng bảo hiểm

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu BHXH bắt buộc		
- Phải thu BHXH tự nguyện		
- Phải thu BHYT		
- Phải thu BHTN		
- Phải thu lãi chậm đóng BHXH bắt buộc		
- Phải thu lãi chậm đóng BHXH tự nguyện		
- Phải thu lãi chậm đóng BHYT		
- Phải thu lãi chậm đóng BHTN		
- Phải thu BHXH bắt buộc		
Tổng số phải thu bảo hiểm và lãi chậm đóng bảo hiểm		

4. Phải thu số đã chi sai bảo hiểm cho đối tượng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu hồi số chi sai BHXH của đối tượng		
+ Phải thu hồi số chi sai ốm đau, thai sản		

+ Phải thu hồi số chi sai TNLĐ-BNN		
+ Phải thu hồi số chi sai hưu trí, tử tuất		
- Phải thu hồi số chi sai BHYT của đối tượng		
- Phải thu hồi số chi sai BHTN của đối tượng		
- Phải thu hồi số chi sai đối tượng thuộc NS		
Tổng phải thu số đã chi sai bảo hiểm cho đối tượng		

5. Phải thu bảo hiểm của khối AN-QP

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu chênh lệch thu KCB lớn hơn chi KCB		
- Phải thu thanh toán đa tuyến khối AN-QP		
Tổng phải thu bảo hiểm của khối AN-QP		

6. Phải thu nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu giữa BHXH tỉnh với BHXH huyện		
Phải thu giữa BHXH Việt Nam với BHXH tỉnh		
Tổng phải thu nghiệp vụ thanh toán quỹ		

7. Phải thu hoạt động đầu tư quỹ

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu tiền lãi		
- Phải thu cổ tức/lợi nhuận		
- Phải thu khác từ hoạt động đầu tư		
Tổng phải thu hoạt động đầu tư quỹ		

8. Chi bảo hiểm của tỉnh, huyện

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Chi các loại bảo hiểm của tỉnh		
- Chi BHXH từ quỹ		
+ Chi ốm đau thai sản		
+ Chi TNLĐ-BNN		
+ Chi hưu trí, tử tuất		
- Chi BHYT		
- Chi BHTN		
- Chi BHXH do NSNN đảm bảo		
- Chi trước BHYT cho năm sau		
b) Chi các loại bảo hiểm của huyện		
- Chi BHXH từ quỹ		
+ Chi ốm đau thai sản		
+ Chi TNLĐ-BNN		
+ Chi hưu trí, tử tuất		
- Chi BHYT		
- Chi BHTN		
- Chi BHXH do NSNN đảm bảo		
- Chi trước BHYT cho năm sau		
Tổng chi các loại bảo hiểm của tỉnh,		

9. Phải thu khác về quỹ bảo hiểm

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuyết minh chi tiết (nếu có)		
.....		
Tổng các khoản phải thu khác về quỹ bảo hiểm		

10. Đầu tư tài chính dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trái phiếu Chính phủ		
- Cho ngân sách nhà nước vay		
- Gửi tiền tại các NHTM		
- Trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ, tín chỉ tiền gửi tại các NHTM		
- Đầu tư vào các dự án trọng điểm		
- Đầu tư tài chính khác		
Tổng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:		

11. Tài sản khác của quỹ bảo hiểm

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Đơn vị thuyết minh chi tiết		
.....		
Tổng giá trị tài sản khác		

12. Phải trả về số thu bảo hiểm

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả số thu thừa bảo hiểm		
- Phải trả số thu bảo hiểm không xác định được đối tượng		
- Phải trả ngân sách nhà nước do thu		
- Phải trả số thu bảo hiểm khác		
Tổng phải trả về số thu bảo hiểm		

13. Phải trả người hưởng các chế độ bảo hiểm

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả người hưởng chế độ BHXH		
+ Phải trả người hưởng chế độ BHXH từ nguồn quỹ		
+ Phải trả người hưởng chế độ BHXH do NSNN đảm bảo		
- Phải trả người hưởng chế độ chế độ BHYT		
- Phải trả người hưởng chế độ chế độ BHTN		
- Phải trả thu hồi chi sai các khoản từ nguồn ngân sách để trả NSNN		
- Phải trả khác cho người hưởng BH		
Tổng các khoản phải trả người hưởng các chế độ bảo hiểm		

14. Phải trả nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả giữa BHXH tỉnh với BHXH huyện		
Phải trả giữa BHXH Việt Nam với BHXH tỉnh		
Tổng phải trả nghiệp vụ thanh toán quỹ bảo hiểm		

15. Phải trả chi bảo hiểm với đơn vị ngoài ngành

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thanh toán với đại diện chi trả		
- Thanh toán với đơn vị sử dụng lao động		
+ Ốm đau, thai sản, dưỡng sức		

+ Y tế cơ quan		
+ Đào tạo nghề		
- Thanh toán với cơ sở KCB		
- Thanh toán với cơ sở dạy nghề		
- Thanh toán với trường học		
- Thanh toán với cơ quan lao động		
- Thanh toán với ngân sách nhà nước		
- Thanh toán khác		
+ Thù lao đại lý thu		
+ Hỗ trợ UBND xã, phường		
+ Chi phí chi trả		
+ Khác		
Tổng phải trả chi bảo hiểm với đơn vị ngoài ngành		

16. Thu các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Thu các loại bảo hiểm của tỉnh		
- Thu BHXH bắt buộc		
+ Ốm đau, thai sản		
+ TNLĐ-BNN		
+ Hưu trí, tử tuất		
- Thu BHXH tự nguyện		
- Thu BHYT		
+ Thu BHYT năm nay		
+ Thu BHYT trước cho năm sau		
- Thu BHTN		

- Thu lãi chậm đóng		
+ Lãi chậm đóng BHXH bắt buộc		
+ Lãi chậm đóng BHXH tự nguyện		
+ Lãi chậm đóng BHYT		
+ Lãi chậm đóng BHTN		
b) Thu các loại bảo hiểm của huyện		
- Thu BHXH bắt buộc		
+ Ốm đau, thai sản		
+ TNLĐ-BNN		
+ Hưu trí, tử tuất		
- Thu BHXH tự nguyện		
- Thu BHYT		
- Thu BHTN		
- Thu lãi chậm đóng		
+ Lãi chậm đóng BHXH bắt buộc		
+ Lãi chậm đóng BHXH tự nguyện		
+ Lãi chậm đóng BHYT		
+ Lãi chậm đóng BHTN		
Tổng các loại bảo hiểm của tỉnh, huyện		

17. Nợ phải trả khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuyết minh chi tiết (nếu có)		
.....		
Tổng các khoản phải trả khác		

18. Quỹ bảo hiểm

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ BHXH		
+ Quỹ ốm đau, thai sản		
+ Quỹ TNLĐ-BNN		
+ Quỹ hưu trí, tử tuất		
- Quỹ BHYT		
+ Quỹ KCB BHYT		
+ Quỹ dự phòng KCB BHYT		
+ Trích chi phí hoạt động		
- Quỹ BHTN		
- Quỹ BH do NSNN đảm bảo		
Tổng các quỹ bảo hiểm		

19. Quỹ dự phòng rủi ro trong đầu tư tài chính

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuyết minh chi tiết (nếu có)		
.....		
Tổng Quỹ dự phòng rủi ro trong đầu tư tài chính		

20. Thông tin khác đơn vị thuyết minh thêm về hoạt động của các quỹ bảo hiểm:

.....
.....
.....
.....
.....

IV. Thông tin bổ sung cho các khoản mục số liệu trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động quỹ bảo hiểm (B02/BCTC-QBH)

1. Hoạt động tài chính của quỹ bảo hiểm

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu (chi tiết theo từng hoạt động)		
b) Chi phí (chi tiết theo từng hoạt động)		

2. Hoạt động quỹ bảo hiểm

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
2.1. Quỹ BHXH		
a) Thu		
- Thu BHXH bắt buộc		
+ Quỹ ốm đau, thai sản		
+ Quỹ TNLĐ-BNN		
+ Quỹ hưu trí, tử tuất		
- Thu BHXH tự nguyện		
- Thu lãi chậm đóng BHXH		
+ Lãi chậm đóng BHXH bắt buộc		
+ Lãi chậm đóng BHXH tự nguyện		
b) Chi		
- Chi quỹ BHXH bắt buộc		
+ Chi ốm đau, thai sản		
+ Chi TNLĐ-BNN		
+ Chi hưu trí, tử tuất		

- Chi BHXH do NSNN đảm bảo		
c) Thặng dư/thâm hụt		
- Bổ sung quỹ BHXH		
- Khác (chi tiết)		
2.2. Quỹ BHYT		
a) Thu		
- Thu BHYT		
- Lãi chậm đóng BHYT		
b) Chi BHYT		
c) Thặng dư/thâm hụt		
- Bổ sung quỹ BHYT		
- Khác (chi tiết)		
2.3. Quỹ BHTN		
a) Thu		
- Thu BHTN		
- Lãi chậm đóng BHTN		
b) Chi BHTN		
c) Thặng dư/thâm hụt		
- Bổ sung quỹ BHTN		
- Khác (chi tiết)		
2.4. Khác (chi tiết)		
a) Thu khác		
b) Chi khác		
c) Thặng dư/thâm hụt		

3. Thông tin thuyết minh khác cho hoạt động quỹ bảo hiểm

.....

.....

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quỹ bảo hiểm (Mẫu B03/BCTC-QBH)

Thuyết minh về lưu chuyển tiền của hoạt động quỹ bảo hiểm

.....

.....

.....

.....

VI. Thông tin thuyết minh khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày báo cáo năm trước

Đơn vị phải thuyết minh rõ số liệu điều chỉnh phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng đến số liệu đã báo cáo (nếu có).

3. Thông tin thay đổi so với báo cáo tài chính kỳ trước

Đơn vị thuyết minh các thay đổi như các chính sách tài chính, cách thức ghi chép,..... ảnh hưởng khác biệt đến số liệu báo cáo tài chính so với kỳ trước.

4. Thông tin khác:

.....

.....

.....

.....

Lập, ngày... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

IV. MẪU BÁO CÁO NGHIỆP VỤ QUỸ BẢO HIỂM

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN:.....
ĐƠN VỊ BÁO CÁO:.....

Mẫu B07a-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO THU BHXH, BHYT, BHTN
Quý..... năm.....

Đơn vị tính:.....

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
A	B	C	1	2
	Tổng số thu đề nghị quyết toán	**01**		
1	**Thu BHXH bắt buộc**	**02**		
1.1	Thu ốm đau, thai sản	03		
1.2	Thu tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp	04		
1.3	Thu hưu trí, tử tuất	05		
2	**Thu BHXH tự nguyện**	**06**		
2.1	Thu của đối tượng tham gia	07		
2.2	Ngân sách Trung ương đóng, hỗ trợ đóng	08		
2.3	Ngân sách địa phương đóng, hỗ trợ đóng	09		
3	**Thu BHYT**	**10**		
3.1	Thu của đơn vị, người lao động	11		
3.2	Tổ chức BHXH đóng	12		
3.3	Ngân sách nhà nước đóng	13		
3.3.1	*Ngân sách Trung ương*	*14*		
3.3.2	*Ngân sách địa phương*	*15*		
	Trong đó: thu của đối tượng làm công tác Cơ yếu do tỉnh phát hành thẻ BHYT	*16*		
3.4	Ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng	17		
3.4.1	*Ngân sách Trung ương*	*18*		

	Đối tượng đóng	*19*		
	Ngân sách hỗ trợ đóng	*20*		
3.4.2	*Ngân sách địa phương*	*21*		
	Đối tượng đóng	*22*		
	Ngân sách hỗ trợ đóng	*23*		
3.5	Thu của đối tượng tham gia hộ gia đình	24		
3.6	Thu BHYT của đơn vị sử dụng lao động đóng	25		
3.7	Thu khác	26		
3.7.1	*Truy thu BHYT năm trước*	*27*		
3.7.2	*Thu BHYT trẻ em < 6 tuổi chưa có thẻ KCB của các năm trước*	*28*		
4	**Thu BHTN**	**29**		
4.1	Thu của đơn vị, người lao động	30		
4.2	Ngân sách Trung ương đóng, hỗ trợ đóng	31		
5	**Thu lãi phạt chậm đóng**	**32**		
5.1	Tiền lãi phạt chậm đóng BHXH bắt buộc	33		
5.2	Tiền lãi phạt chậm đóng BHYT	34		
5.3	Tiền lãi phạt chậm đóng BHTN	35		
5.4	Tiền lãi phạt chậm đóng BHXH tự nguyện	36		
6	**Điều chỉnh số thu năm trước**	**37**		
6.1	Thu BHXH	38		
6.2	Thu BHXH TN	39		
6.3	Thu BHYT	40		
6.4	Thu BHTN	41		

Ngày..... tháng..... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN.....
ĐƠN VỊ BÁO CÁO:.....

Mẫu số: B07b-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP THU BHXH, BHYT, BHTN TOÀN TỈNH

Quý..... năm.....

Đơn vị tính:.....

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Tổng số		BHXH huyện A		BHXH huyện B		.....	
			Trong kỳ	*Lũy kế từ đầu năm*	*Trong kỳ*	*Lũy kế từ đầu năm*	*Trong kỳ*	*Lũy kế từ đầu năm*	*Trong kỳ*	*Lũy kế từ đầu năm*
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số thu đề nghị quyết toán	**01**								
1	**Thu BHXH bắt buộc**	**02**								
1.1	Thu ốm đau, thai sản	03								
1.2	Thu Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp	04								
1.3	Thu hưu trí, tử tuất	05								
2	**Thu BHXH tự nguyện**	**06**								
2.1	Thu của đối tượng tham gia	07								
2.2	Ngân sách Trung ương đóng, hỗ trợ đóng	08								
2.3	Ngân sách địa phương đóng, hỗ trợ đóng	09								
3	**Thu BHYT**	**10**								
3.1	Thu của đơn vị, người lao động	11								
3.2	Tổ chức BHXH đóng	12								
3.3	Ngân sách nhà nước đóng	13								

3.3.1	*Ngân sách Trung ương*	*14*								
3.3.2	*Ngân sách địa phương*	*15*								
	Trong đó: Thu của đối tượng làm công tác cơ yếu do tỉnh phát hành thẻ BHYT	*16*								
3.4	Ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng	17								
3.4.1	*Ngân sách Trung ương*	*18*								
	Đối tượng đóng	*19*								
	Ngân sách hỗ trợ	*20*								
3.4.2	*Ngân sách địa phương*	*21*								
	Đối tượng đóng	*22*								
	Ngân sách hỗ trợ	*23*								
3.5	Thu của đối tượng tham gia hộ gia đình	24								
3.6	Thu BHYT của đơn vị sử dụng lao động đóng	25								
3.7	Thu khác	26								
3.7.1	*Truy thu BHYT năm trước*	*27*								
3.7.2	*Thu BHYT trẻ em < 6 tuổi chưa có thẻ KCB của các năm trước*	*28*								
4	**Thu BHTN**	**29**								
4.1	Thu của đối tượng tham gia	30								
4.2	Ngân sách Trung ương đóng, hỗ trợ đóng	31								
5	**Thu lãi phạt chậm đóng**	**32**								
5.1	Tiền lãi phạt chậm đóng BHXH bắt buộc	33								
5.2	Tiền lãi phạt chậm đóng BHYT	34								

5.3	Tiền lãi phạt chậm đóng BHTN	35								
5.4	Tiền lãi phạt chậm đóng BHXH tự nguyện	36								
6	**Điều chỉnh số thu năm trước**	**37**								
6.1	Thu BHXH	38								
6.2	Thu BHXH TN	39								
6.3	Thu BHYT	40								
6.4	Thu BHTN	41								

Ngày..... tháng..... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Mẫu số: B07c-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP THU BHXH, BHYT, BHTN TOÀN QUỐC

Năm.....

Đơn vị tính:.....

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Tổng số	BHXH tỉnh...	BHXH tỉnh...	.....
A	B	C	1	2	3	4
I	**Quyết toán thu BHXH, BHYT, BHTN**	**01**				
1	**Thu BHXH bắt buộc**	**02**				
1.1	Thu ốm đau, thai sản	03				
1.2	Thu Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp	04				
1.3	Thu hưu trí, tử tuất	05				
2	**Thu BHXH tự nguyện**	**06**				
2.1	Thu của đối tượng tham gia	07				
2.2	Ngân sách Trung ương đóng, hỗ trợ đóng	08				
2.3	Ngân sách địa phương đóng, hỗ trợ đóng	09				
3	**Thu BHYT**	**10**				
3.1	Thu của đơn vị, người lao động	11				
3.2	Tổ chức BHXH đóng	12				
3.3	Ngân sách nhà nước đóng	13				
3.3.1	*Ngân sách Trung ương*	*14*				
3.3.2	*Ngân sách địa phương đóng*	*15*				

	Trong đó: Thu của đối tượng làm công tác cơ yếu do tỉnh phát hành thẻ BHYT	*16*				
3.4	Ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng	17				
3.4.1	*Ngân sách Trung ương*	*18*				
-	*Đối tượng đóng*	*19*				
-	*Ngân sách hỗ trợ*	*20*				
3.4.2	*Ngân sách địa phương*	*21*				
-	*Đối tượng đóng*	*22*				
-	*Ngân sách hỗ trợ*	*23*				
3.5	Thu của đối tượng tham gia hộ gia đình	24				
3.6	Thu BHYT của đơn vị sử dụng lao động đóng	25				
3.7	Thu khác	26				
3.7.1	*Truy thu BHYT năm trước*	*27*				
3.7.2	*Thu BHYT trẻ em < 6 tuổi chưa có thẻ KCB của các năm trước*	*28*				
4	**Thu BHTN**	**29**				
4.1	Thu của đối tượng tham gia	30				
4.2	Ngân sách Trung ương đóng, hỗ trợ đóng	31				
5	**Thu lãi phạt chậm đóng**	**32**				
5.1	Tiền lãi phạt chậm đóng BHXH bắt buộc	33				
5.2	Tiền lãi phạt chậm đóng BHYT	34				
5.3	Tiền lãi phạt chậm đóng BHTN	35				
5.4	Tiền lãi phạt chậm đóng BHXH tự nguyện	36				

6	**Điều chỉnh số thu năm trước**	**37**				
6.1	Thu BHXH	38				
6.2	Thu BHXH TN	39				
6.3	Thu BHYT	40				
6.4	Thu BHTN	41				

Ngày.... tháng.... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CẤP TRÊN:.....
ĐƠN VỊ CẤP TRÊN:.....

Mẫu số: F01-07-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO CHI TIẾT SỐ THU BHXH, BHYT, BHTN

Quý..... Năm.....

Đơn vị tính:.....

STT	Chỉ Tiêu	Mã số	Số đơn vị	Số người	Số tiền thu đề nghị quyết toán kỳ này		
					Tổng số	Tiền đóng theo chế độ quy định	Thu lãi chậm đóng, trốn đóng
A	**B**	**C**	**01**	**02**	**03=04+05**	**04**	**05**
	TỔNG SỐ THU (I+II+III)						
I	**THU BẢO HIỂM XÃ HỘI**	**01**					
1	Doanh nghiệp nhà nước	02					
2	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	03					
3	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	04					
4	Cơ quan, đơn vị, tổ chức lực lượng vũ trang, cơ yếu	05	*Bao gồm tất cả các cơ quan, đơn vị LLVT ở TƯ và ĐP*				
5	Cơ quan hành chính, sự nghiệp, đảng, đoàn thể	06					
6	Công chức, viên chức xã, phường, thị trấn	07					
7	Tổ chức nước ngoài, quốc tế	08					
8	Ngoài công lập	09					
9	Hợp tác xã	10					
10	Hội nghề nghiệp, tổ hợp tác, tổ chức khác	11					

11	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã	12					
12	Lao động có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng	13					
13	Phu nhân, phu quân	14					
14	Người nước ngoài lao động tại Việt Nam	15					
15	Đối tượng tự đóng BHXH bắt buộc	16					
16	Người tham gia BHXH tự nguyện	17					
II	**THU BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP**	**18**	*Tương ứng đối tượng từ 1 đến 10 của thu BHXH*				
1	Doanh nghiệp nhà nước	19					
2	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	20					
3	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	21					
4	Cơ quan, đơn vị, tổ chức lực lượng vũ trang, cơ yếu	22					
5	Cơ quan hành chính, sự nghiệp, đảng, đoàn thể	23					
6	Công chức, viên chức xã, phường, thị trấn	24					
7	Tổ chức nước ngoài, quốc tế	25					
8	Ngoài công lập	26					
9	Hợp tác xã	27					
10	Hội nghề nghiệp, tổ hợp tác, tổ chức khác	28					
III	**THU BẢO HIỂM Y TẾ**	**29**					
A	**Người lao động, người sử dụng lao động đóng**	**30**	*"Số đơn vị" lấy theo số đơn vị tham gia BHXH*				
1	Doanh nghiệp nhà nước	31					

2	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	32					
3	Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	33					
4	Công nhân, viên chức lực lượng vũ trang, cơ yếu	34	*Không bao gồm số thu BHYT ở (mã số 51)*				
5	Cơ quan hành chính, sự nghiệp, đảng, đoàn thể	35					
6	Công chức, viên chức xã, phường, thị trấn	36					
7	Tổ chức nước ngoài, quốc tế	37					
8	Ngoài công lập	38					
9	Hợp tác xã	39					
10	Hội nghề nghiệp, tổ hợp tác, tổ chức khác	40					
11	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã	41					
12	Người nước ngoài lao động tại Việt Nam	42					
B	**Nhóm do tổ chức BHXH đóng**	**43**					
1	Hưu trí, trợ cấp mất sức lao động	44					
2	Trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	45					
3	Trợ cấp công nhân cao su	46					
4	Thôi hưởng MSLĐ hưởng trợ cấp NSNN (QĐ 613)	47					
5	Cán bộ xã hưởng trợ cấp BHXH hàng tháng	48					
6	Người lao động bị ốm đau dài ngày	49					
7	Người lao động đang hưởng chế độ thai sản	50					

8	Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp	51					
C	**Nhóm do NSNN đóng**	**52**					
1	Lực lượng vũ trang, cơ yếu	53	*Đối tượng sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp*				
2	Cán bộ xã hưởng trợ cấp NSNN	54					
3	Người có công với cách mạng	55					
4	Cựu chiến binh	56					
5	Người tham gia kháng chiến và bảo vệ tổ quốc	57					
6	Đại biểu Quốc hội, HĐND các cấp	58					
7	Trẻ em dưới 6 tuổi	59					
8	Người hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội	60					
9	Người thuộc hộ gia đinh nghèo, dân tộc thiểu số, xã đảo	61					
9.1	*Người thuộc hộ gia đình nghèo về thu nhập, người thuộc hộ nghèo đa chiều có thiếu hụt BHYT*	*62*					
9.2	*Người dân tộc thiểu số ở vùng KTXH khó khăn*	*63*					
9.3	*Người sinh sống tại vùng KTXH đặc biệt khó khăn*	*64*					
9.4	*Người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo*	*65*					
10	Người được phong tặng danh hiệu nghệ nhân, nghệ nhân ưu tú thuộc hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người thấp hợp mức lương cơ sở	66					
11	Thân nhân của người có công với cách mạng	67					

12	Thân nhân của lực lượng vũ trang, cơ yếu	68					
13	Người đã hiến bộ phận cơ thể	69					
14	Người nước ngoài đang học tập tại Việt Nam được cấp học bổng từ NSNN của Nhà nước Việt Nam	70					
15	Người phục vụ người có công với cách mạng	71					
16	Người từ 80 tuổi hưởng trợ cấp tuất hàng tháng	72					
17	Khác	73					
D	**Nhóm được NSNN hỗ trợ mức đóng**	**74**					
1	Người thuộc hộ cận nghèo	75					
1.1	*Đối tượng đóng*	*76*					
1.2	*Ngân sách nhà nước hỗ trợ*	*77*					
2	Người thuộc hộ gia đình nghèo đa chiều	78					
2.1	*Đối tượng đóng*	*79*					
2.2	*Ngân sách nhà nước hỗ trợ*	*80*					
3	Học sinh, sinh viên	81					
3.1	Học sinh, sinh viên thuộc địa phương quản lý	82					
3.1.1	*Đối tượng đóng*	*83*					
3.1.2	*Ngân sách nhà nước hỗ trợ*	*84*					
3.2	Học sinh, sinh viên thuộc Trung ương quản lý	85					
3.2.1	*Đối tượng đóng*	86					
3.2.2	*Ngân sách nhà nước hỗ trợ*	87					

4	Hộ nông, lâm, diêm ngư nghiệp có mức sống trung bình	88					
4.1	*Đối tượng đóng*	*89*					
4.2	*Ngân sách nhà nước hỗ trợ*	*90*					
E	**Nhóm tham gia theo hộ gia đình**	**94**					
1	Người tham gia tự đóng	95					
2	Ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng	96					
G	**Nhóm do người sử dụng lao động đóng**	**97**					

Ngày.... tháng.... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CẤP TRÊN:.....
ĐƠN VỊ BÁO CÁO:.....

Mẫu số: B08a-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI BHXH, BHTN

Quý..... năm.....

PHẦN I. TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Đơn vị tính:.....

STT	Chỉ Tiêu	Mã số	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
A	B	C	1	2
1	**Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang**	**01**		
2	**Điều chỉnh kinh phí kỳ trước chuyển sang (nếu có)**	**02**		
3	**Kinh phí thực nhận trong kỳ (03=04+05+06)**	**03**		
3.1	Cấp trên cấp	04		
3.2	Kinh phí ghi thu số trích đóng BHYT	05		
3.3	Kinh phí khác	06		
4	**Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ (07=01+02+03)**	**07**		
5	**Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán**	**08**		
6	**Kinh phí giảm**	**09**		
7	**Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau (10=07-08-09)**	**10**		

PHẦN II: KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

STT	Chỉ Tiêu	Mã số	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
A	B	C	1	2
	Tổng số (I+II+III+IV)	**01**		
I	**Chi BHXH cho đối tượng do NSNN đảm bảo**	**02**		
1	Đóng BHYT	03		

2	Lương hưu	04		
3	Trợ cấp mất sức lao động hằng tháng	05		
4	Trợ cấp công nhân cao su	06		
5	Trợ cấp hàng tháng đối với người hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động	07		
6	Trợ cấp TNLĐ-BNN hàng tháng	08		
7	Trợ cấp phục vụ	09		
8	Cấp tiền để mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	10		
9	Trợ cấp tuất	11		
10	Trợ cấp mai táng phí	12		
11	Phí khám giám định mức suy giảm khả năng lao động	13		
12	Phụ cấp khu vực	14		
13	Chi phí chi trả	15		
II	**Chi BHXH bắt buộc do quỹ BHXH đảm bảo**	**16**		
1	**Quỹ ốm đau thai sản**	**17**		
1.1	Đóng BHYT	18		
1.2	Ốm đau	19		
1.3	Thai sản	20		
1.4	Nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau ốm đau, thai sản	21		
2	**Quỹ Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp**	**22**		
2.1	Đóng BHYT	23		
2.2	Trợ cấp TNLĐ-BNN hàng tháng	24		
2.3	Trợ cấp TNLĐ-BNN một lần	25		
2.4	Trợ cấp phục vụ người bị TNLĐ-BNN	26		
2.5	Trợ cấp phương tiện trợ giúp, DCCH	27		
2.6	Nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau điều trị thương tật, bệnh tật do TNLĐ-BNN	28		
2.7	Giám định thương tật, suy giảm khả năng lao động	29		
2.8	Hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro	30		
2.9	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	31		

3	**Quỹ hưu trí, tử tuất**	**32**		
3.1	Đóng BHYT	33		
3.2	Lương hưu	34		
3.3	Trợ cấp BHXH 1 lần	35		
3.4	Trợ cấp cán bộ xã, phường	36		
3.5	Mai táng phí	37		
3.6	Tử tuất (một lần, hàng tháng)	38		
3.7	Phí giám định y khoa	39		
3.8	Phụ cấp khu vực	40		
III	**Chi bảo hiểm thất nghiệp**	**41**		
3.1	Đóng BHYT	42		
3.2	Chi trợ cấp thất nghiệp	43		
3.3	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	44		
3.4	Hỗ trợ học nghề	45		
3.5	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	46		

Ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CẤP TRÊN:.....
ĐƠN VỊ BÁO CÁO:.....

Mẫu số: B08b-BH
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính*)

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI BHXH, BHTN TOÀN TỈNH

Quý..... năm.....

PHẦN I. TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Đơn vị tính:.....

STT	Chỉ Tiêu	Mã số	Tổng số		BHXH Huyện A		BHXH Huyện B		.....	
			Trong kỳ	*Lũy kế từ đầu năm*	*Trong kỳ*	*Lũy kế từ đầu năm*	*Trong kỳ*	*Lũy kế từ đầu năm*	*Trong kỳ*	*Lũy kế từ đầu năm*
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
1	**Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang**	**01**								
2	**Điều chỉnh kinh phí kỳ trước chuyển sang (nếu có)**	**02**								
3	**Kinh phí thực nhận trong kỳ (03=04+05+06)**	**03**								
3.1	Cấp trên cấp	04								
3.2	Kinh phí ghi thu trích đóng BHYT	05								
3.3	Kinh phí khác	06								
4	**Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ (07=01+02+03)**	**07**								

5	**Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán**	**08**								
6	**Kinh phí giảm**	**09**								
7	**Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau (10=07-08-09)**	**10**								

PHẦN II. KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

STT	**Chỉ Tiêu**	**Mã số**	**Tổng số**		**BHXH Huyện A**		**BHXH Huyện B**		**.....**	
			Kỳ này	*Lũy kế từ đầu năm*	*Kỳ này*	*Lũy kế từ đầu năm*	*Kỳ này*	*Lũy kế từ đầu năm*	*Kỳ này*	*Lũy kế từ đầu năm*
	TỔNG SỐ (I+II+III+IV)	**01**								
I	**Chi BHXH cho đối tượng do NSNN đảm bảo**	**02**								
1	Đóng BHYT	03								
2	Lương hưu	04								
3	Trợ cấp mất sức lao động hằng tháng	05								
4	Trợ cấp công nhân cao su	06								
5	Trợ cấp hàng tháng đối với người hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động	07								
6	Trợ cấp TNLĐ-BNN hàng tháng	08								

7	Trợ cấp phục vụ	09								
8	Cấp tiền để mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	10								
9	Trợ cấp tuất	11								
10	Trợ cấp mai táng phí	12								
11	Phí khám giám định mức suy giảm khả năng lao động	13								
12	Phụ cấp khu vực	14								
13	Chi phí chi trả	15								
II	**Chi BHXH bắt buộc do quỹ BHXH đảm bảo**	**16**								
1	**Quỹ ốm đau thai sản**	**17**								
1.1	Đóng BHYT	18								
1.2	Ốm đau	19								
1.3	Thai sản	20								
1.4	Nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau ốm đau, thai sản	21								
2	**Quỹ Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp**	**22**								
2.1	Đóng BHYT	23								

2.2	Trợ cấp TNLĐ-BNN hàng tháng	24								
2.3	Trợ cấp TNLĐ-BNN một lần	25								
2.4	Trợ cấp phục vụ người bị TNLĐ-BNN	26								
2.5	Trợ cấp phương tiện trợ giúp, DCCH	27								
2.6	Nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe sau điều trị thương tật, bệnh tật do TNLĐ-BNN	28								
2.7	Giám định thương tật, suy giảm khả năng lao động	29								
2.8	Hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro	30								
2.9	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	31								
3	**Quỹ hưu trí, tử tuất**	**32**								
3.1	Đóng BHYT	33								
3.2	Lương hưu	34								
3.3	Trợ cấp BHXH 1 lần	35								
3.4	Trợ cấp cán bộ xã, phường	36								
3.5	Mai táng phí	37								
3.6	Tử tuất (một lần, hàng tháng)	38								
3.7	Phí giám định y khoa	39								
3.8	Phụ cấp khu vực	40								

4	**Chi bảo hiểm thất nghiệp**	**41**								
4.1	Đóng BHYT	42								
4.2	Chi trợ cấp thất nghiệp	43								
4.3	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	44								
4.4	Hỗ trợ học nghề	45								
4.5	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	46								

..... ngày..... tháng.... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Mẫu số: B08c-BH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI BHXH, BHTN TOÀN QUỐC

Năm.....

Đơn vị tính:.....

STT	Tên Đơn vị	PHẦN I. TÌNH HÌNH KINH PHÍ									
		Kinh phí năm trước chuyển sang	Điều chỉnh kinh phí năm trước	Kinh phí thực nhận trong năm	Cấp trên cấp	Kinh phí ghi thu đóng BHYT	Kinh phí khác	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau	Số cấp ứng trước cho năm sau
A	B	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10
1	BHXH Tỉnh A										
2	BHXH Tỉnh A										

PHẦN II. KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN																	
STT	Tên Đơn vị	CHI BHXH BẮT BUỘC															
		Tổng cộng	Quỹ ốm đau, thai sản					Quỹ Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp									
			Cộng	Đóng BHYT	Ốm đau	Thai sản	Nghỉ DSPHSK sau ốm đau, thai sản	Cộng	Đóng BHYT	Trợ cấp TNLĐ-BNN hàng tháng	Trợ cấp TNLĐ-BNN một lần	Trợ cấp phục vụ người bị TNLĐ - BNN	Trợ cấp phương tiện trợ giúp DCCH	Nghỉ DSPHSK sau điều trị thương tật, bệnh tật do TNLĐ-BNN	Giám định thương tật, suy giảm khả năng lao động	Hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro	Hỗ trợ chuyển đổi nghề
A	B	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16

PHẦN II. KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN																
STT	Tên Đơn vị	Quỹ hưu trí - tử tuất									Chi Bảo hiểm Thất nghiệp					
		Cộng	Đóng BHYT	Lương hưu	Trợ cấp BHXH 1 lần	Trợ cấp cán bộ xã, phường	Mai táng phí	Tử tuất (một lần, hàng tháng)	Phí giám định y khoa	Phụ cấp khu vực	Cộng	Đóng BHYT	Chi trợ thất nghiệp	Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	Hỗ trợ học nghề	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm
A	B	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31

..... Ngày..... tháng.... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Mẫu số: B08d-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI BHXH DO NSNN ĐẢM BẢO

Năm.....

Đơn vị tính:.....

STT	Tên Đơn vị	PHẦN I. TÌNH HÌNH KINH PHÍ							
		Kinh phí năm trước chuyển sang	Điều chỉnh kinh phí năm trước	Kinh phí thực nhận trong năm	Đóng BHYT	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	Tổng kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Kinh phí giảm	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau
A	B	01	02	03	04	05	06	07	08

PHẦN II. KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN													
Tổng số	**Đóng BHYT**	**Lương hưu**	**Trợ cấp mất sức lao động hằng tháng**	**Trợ cấp công nhân cao su**	**Trợ cấp hàng tháng đối với người hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động**	**Trợ cấp TNLĐ-BNN hàng tháng**	**Trợ cấp phục vụ**	**Cấp tiền để mua phương tiện trợ giúp dụng cụ chỉnh hình**	**Trợ cấp tuất**	**Trợ cấp mai táng phí**	**Phí khám giám định mức suy giảm khả năng lao động**	**Phụ cấp khu vực**	**Chi phí chi trả**
09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22

..... Ngày..... tháng.... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CẤP TRÊN.....
ĐƠN VỊ BÁO CÁO.....

Mẫu số: B09a-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI BHYT

Quý..... năm.....

PHẦN I. TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Đơn vị tính:.....

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
A	B	C	1	2
1	**Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang**	**01**		
2	**Điều chỉnh kinh phí kỳ trước chuyển sang nếu có**	**02**		
3	**Kinh phí thực nhận kỳ này**	**03**		
3.1	Cấp trên cấp	04		
3.2	Kinh phí khác	05		
4	**Kinh phí được sử dụng trong kỳ**	**06**		
5	**Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán**	**07**		
6	**Kinh phí giảm**	**08**		
7	**Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau**	**09**		

PHẦN II. KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
A	B	C	1	2
1	**Chi thanh toán trực tiếp**	**01**		
1.1	Người bệnh trong tỉnh	02		
1.2	Người bệnh ngoại tỉnh đến	03		
2	**Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu**	**04**		
2.1	Người bệnh trong tỉnh	05		
2.1.1	*Học sinh, sinh viên*	*06*		
2.1.2	*Trẻ em dưới 6 tuổi*	*07*		
2.1.3	*Cơ quan đơn vị, doanh nghiệp*	*08*		
2.1.4	*Người làm việc trên tàu đánh bắt xa bờ*	*09*		
2.2	Người bệnh ngoại tỉnh đến	10		

2.2.1	*Học sinh, sinh viên*	*11*		
2.2.2	*Trẻ em dưới 6 tuổi*	*12*		
2.2.3	*Cơ quan đơn vị, doanh nghiệp*	*13*		
2.2.4	*Người làm việc trên tàu đánh bắt xa bờ*	*14*		
3	**Chi cho cơ sở KCB**	**15**		
3.1	Người bệnh trong tỉnh	16		
3.2	Người bệnh ngoại tỉnh đến	17		
4	**Chi kết dư quỹ KCB định suất để lại cho cơ sở KCB**	**18**		
5	**Kết chuyển số chi BHYT đã chi năm trước**	**19**		
6	**Khác**	**20**		
	TỔNG CỘNG	**21**		

PHẦN III. CHI TRƯỚC BHYT CHO NĂM SAU

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
A	B	C	1	2
1	**Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu**			
...				

..... Ngày.... tháng.... năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CẤP TRÊN.....
ĐƠN VỊ BÁO CÁO.....

Mẫu số: B09b-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI BHYT TOÀN TỈNH

Quý..... năm.....

PHẦN I. TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Đơn vị tính:.....

STT	Chỉ Tiêu	Mã số	Tổng cộng		BHXH huyện A		BHXH huyện B		.....	
			Kỳ này	*Lũy kế từ đầu năm*	*Kỳ này*	*Lũy kế từ đầu năm*	*Kỳ này*	*Lũy kế từ đầu năm*	*Kỳ này*	*Lũy kế từ đầu năm*
1	**Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang**	**01**								
2	**Điều chỉnh kinh phí kỳ trước chuyển sang nếu có**	**02**								
3	**Kinh phí thực nhận kỳ này**	**03**								
3.1	Cấp trên cấp	04								
3.2	Kinh phí khác	05								
4	**Kinh phí được sử dụng trong kỳ**	**06**								
5	**Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán**	**07**								
6	**Kinh phí giảm**	**08**								
7	**Kinh phí chưa sử dụng chuyển kỳ sau**	**09**								

PHẦN II. KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

STT	Chỉ Tiêu	Mã số	Tổng cộng		BHXH huyện A		BHXH huyện B		.....	
			Kỳ này	*Lũy kế từ đầu năm*	*Kỳ này*	*Lũy kế từ đầu năm*	*Kỳ này*	*Lũy kế từ đầu năm*	*Kỳ này*	*Lũy kế từ đầu năm*
1	**Chi thanh toán trực tiếp**	**01**								
1.1	Người bệnh trong tỉnh	02								
1.2	Người bệnh ngoại tỉnh đến	03								
2	**Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu**	**04**								
2.1	Người bệnh trong tỉnh	05								
2.1.1	*Học sinh, sinh viên*	*06*								
2.2.2	*Trẻ em dưới 6 tuổi*	*07*								
2.3.3	*Cơ quan đơn vị doanh nghiệp*	*08*								
2.4.4	*Người làm việc trên tàu đánh bắt xa bờ*	*09*								
2.2	Người bệnh ngoại tỉnh đến	10								
2.2.1	*Học sinh, sinh viên*	*11*								
2.2.2	*Trẻ em dưới 6 tuổi*	*12*								
2.2.3	*Cơ quan đơn vị doanh nghiệp*	*13*								
2.2.4	*Người làm việc trên tàu đánh bắt xa bờ*	*14*								

3	**Chi cho cơ sở KCB**	**15**								
3.1	Người bệnh trong tỉnh	16								
3.2	Người bệnh ngoại tỉnh đến	17								
4	**Chi kết dư quỹ KCB định suất để lại cho cơ sở KCB**	**18**								
5	**Kết chuyển số chi BHYT đã chi năm trước**	**19**								
6	**Khác**	**20**								
	TỔNG CỘNG	**21**								

PHẦN III. CHI TRƯỚC BHYT CHO NĂM SAU

STT	**Chỉ Tiêu**	**Mã số**	**Tổng cộng**		**BHXH huyện A**		**BHXH huyện B**		**.....**	
			Kỳ này	*Lũy kế từ đầu năm*	*Kỳ này*	*Lũy kế từ đầu năm*	*Kỳ này*	*Lũy kế từ đầu năm*	*Kỳ này*	*Lũy kế từ đầu năm*
1	**Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu**									

..... Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Mẫu số: B09c-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI KHÁM CHỮA BỆNH BHYT TOÀN QUỐC

Năm.....

PHẦN I. TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Đơn vị tính:.....

STT	Đơn vị	Số dư năm trước chuyển sang	Điều chỉnh kinh phí năm trước chuyển sang nếu có	Kinh phí thực nhận trong năm				Tổng kinh phí được sử dụng	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Kinh phí giảm	Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau
				Cộng	Cấp kinh phí KCB	Kinh phí ghi thu 90% số tiền đóng BHYT dành cho KCB	Kinh phí khác				
A	B	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10
1	BHXH tỉnh A										
2	BHXH tỉnh B										
	.....										
	Cộng										

II. KINH PHÍ CHI BHYT

STT	Tên Đơn vị	Tổng cộng	Cộng chi thanh toán trực tiếp	Chi thanh toán trực tiếp		Cộng chi chăm sóc sức khỏe ban đầu	Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu									
				Người bệnh trong tỉnh	Người bệnh ngoại tỉnh đến		Cộng	Người bệnh trong tỉnh				Cộng	Người bệnh ngoại tỉnh đến			
								Học sinh, sinh viên	Trẻ em dưới 6 tuổi	Cơ quan đơn vị, doanh nghiệp	Người làm việc trên tàu đánh bắt xa bờ		Học sinh, sinh viên	Trẻ em dưới 6 tuổi	Cơ quan đơn vị, doanh nghiệp	Người làm việc trên tàu đánh bắt xa bờ
A	B	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	BHXH tỉnh A															
2	BHXH tỉnh B															
	.....															
	Cộng															

Cộng chi cho cơ sở khám chữa bệnh	Chi cho cơ sở khám chữa bệnh		Chi kết dư quỹ KCB định suất để lại cho cơ sở KCB	Kết chuyển số chi BHYT đã chi năm trước	Khác
	Người bệnh trong tỉnh	Người bệnh ngoại tỉnh đến			
16	17	18	19	20	21

PHẦN III. CHI TRƯỚC BHYT CHO NĂM SAU

STT	Tên Đơn vị	Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu
A	B	1
1	BHXH tỉnh A	
2	BHXH tỉnh B	
	Cộng	

..... Ngày..... tháng..... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CẤP TRÊN.....
ĐƠN VỊ BÁO CÁO.....

Mẫu số: B10a-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ DÀNH CHO KHÁM CHỮA BỆNH CHƯA SỬ DỤNG ĐỂ LẠI ĐỊA PHƯƠNG, BỘ QUỐC PHÒNG, BỘ CÔNG AN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Quý..... Năm.....

Đơn vị tính:.....

STT	Chỉ Tiêu	Mã số	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
A	B	C	1	2
1	**Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang**	**01**		
2	**Điều chỉnh kinh phí kỳ trước chuyển sang nếu có**	**02**		
3	**Kinh phí thực nhận kỳ này**	**03**		
3.1	Cấp trên cấp	04		
3.2	Kinh phí ghi thu	05		
4	**Tổng kinh phí được sử dụng**	**06**		
5	**Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán**	**07**		
6	**Kinh phí giảm**	**08**		
7	**Kinh phí chưa sử dụng hết chuyển năm sau**	**09**		
8	**Thanh toán kinh phí 20% phải nộp về BHXH Việt Nam**	**10**		
8.1	Số phải nộp	11		
8.2	Số đã nộp	12		
8.3	Số còn phải nộp	13		

Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CẤP TRÊN.....
ĐƠN VỊ BÁO CÁO.....

Mẫu số: B10b-BH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ DÀNH CHO KHÁM CHỮA BỆNH CHƯA SỬ DỤNG ĐỂ LẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG, BỘ QUỐC PHÒNG, BỘ CÔNG AN

Năm.....

Đơn vị tính:.....

STT	Đơn vị	Kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang	Điều chuyển kinh phí năm trước chuyển sang	Kinh phí thực nhận trong năm			Tổng kinh phí được sử dụng	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	Kinh phí giảm	Kinh phí chưa sử dụng hết chuyển năm sau	Thanh toán 20% kinh phí phải nộp về BHXHVN		
				Cộng	Kinh phí cấp	Kinh phí ghi thu					Số phải nộp	Số đã nộp	Số còn phải nộp
A	B	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12

..... Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

(Xem tiếp Công báo số 203 + 204)